

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG	3
1. Thông tin khái quát.....	3
2. Quá trình hình thành và phát triển	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
5. Định hướng phát triển.....	6
6. Các rủi ro	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	9
2. Tổ chức và nhân sự.....	10
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	18
4. Tình hình tài chính.....	18
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	19
6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	20
III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....	21
1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh	21
2. Tình hình tài chính.....	22
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.....	23
4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2021	23
5. Kế hoạch phát triển trong tương lai	25
6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	26
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	26
1. Đánh giá về hoạt động của Công ty.....	26
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc	27
3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT	27
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	28
1. Hội đồng quản trị.....	28
2. Ban kiểm soát	31
3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát	32
4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.....	32
5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.	32
6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty.	32
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	33
1. Ý kiến kiểm toán.....	33
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	33

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0303476454 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 27/08/2004 cấp thay đổi lần thứ 18 ngày 06/08/2020.
- Vốn điều lệ: **645.221.040.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **645.221.040.000 đồng**
- Địa chỉ: Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM
- Điện thoại: (84.28) 62918483
- Số fax: (84.28) 62918489
- Website: www.saigonwater.com.vn
- Mã cổ phiếu: **SII**

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân với tên gọi là CTCP Xây dựng Việt Thành – số ĐKKD là 4103002620 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2004, có trụ sở tại 115/7P Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp; Vốn ban đầu là 550 triệu đồng và hoạt động trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng, phụ tùng; dịch vụ cho thuê thiết bị và xây dựng các công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, công nghiệp...
- Ngày 27/10/2004, Công ty thực hiện tăng vốn lên 3 tỷ đồng và bổ sung thêm ngành nghề Dịch vụ tư vấn về quản lý và giám sát thi công công trình.
- Ngày 09/01/2006, bổ sung thêm ngành kinh doanh: Tư vấn đầu tư, xây dựng; thiết kế công trình giao thông; thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; thẩm tra thiết kế, dự toán công trình; lập dự toán, tổng dự toán công trình; thí nghiệm, kiểm nghiệm vật liệu xây dựng.
- Ngày 25/06/2009, Công ty chuyển trụ sở về 211/4 Lê Văn Thọ, Phường 9, Q. Gò Vấp.
- Tháng 5/2010, đổi tên thành CTCP Đầu tư Hạ tầng Bất động sản Sài Gòn (SII JSC) với số vốn đăng ký là 400 tỷ đồng, đồng thời chuyển trụ sở về số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1.
- Tháng 5/2011, Công ty quyết định xây dựng và lựa chọn lĩnh vực kinh doanh chính “Ngành Hạ Tầng Môi Trường”.
- Ngày 22/08/2012, cổ phiếu của công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM với mã chứng khoán là SII.
- Tháng 2/2013, thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

(Saigon Water) để phù hợp với chiến lược kinh doanh của Công ty.

- Tháng 8/2013, Saigon Water ký hợp đồng đầu tư với đối tác chiến lược là Manila Water, phát hành tăng vốn thành công từ 400 tỷ đồng, lên 583.7 tỷ đồng.
- Tháng 01/2017, Công ty chuyển trụ sở về 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11.
- Tháng 06/2017, Công ty phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược, phát hành tăng vốn thành công từ 583,7 tỷ đồng lên 645,16 tỷ đồng.
- Tháng 08/2020, Công ty phát hành cổ phiếu ra công chúng, tăng vốn lên 645.221.040.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

🚧 Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
- Bán buôn máy móc, Thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, thiết bị điều khiển – đo lường;
- Kinh doanh bất động sản;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không sản xuất tại trụ sở) (trừ sản xuất xốp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình xử lý chất thải; giám sát thi công công trình;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa chi tiết: Nuôi trồng thủy sản nước lợ - nước ngọt và sản xuất giống thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở);
- Xây dựng công trình cầu đường, bến cảng, nhà ga, dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, xử lý nước thải, cấp thoát nước sinh hoạt, điện chiếu sáng và trạm biến áp.
- Dịch vụ tư vấn về quản lý (trừ tư vấn tài chính).

🚧 Địa bàn kinh doanh

- Đối với hoạt động đầu tư hạ tầng nước, hiện công ty vẫn đang tập trung đầu tư ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh thành khác như Lâm Đồng, Gia Lai.
- Đối với hoạt động dịch vụ kỹ thuật môi trường, địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Gia Lai và các tỉnh thành ở Miền Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

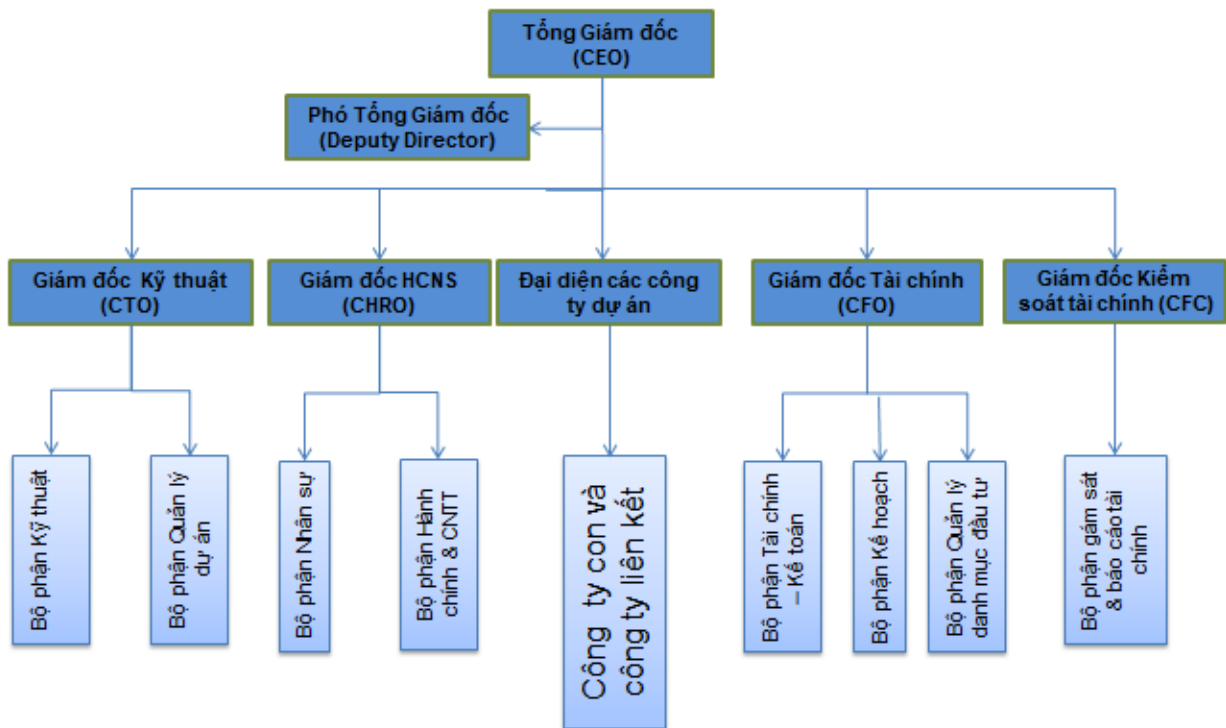
🚧 Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Saigon Water được thực hiện theo qui chế quản trị của công ty ban hành kèm theo Nghị quyết số 11/2017/SGW/NQ-HĐQT-SGW ngày 15/8/2017 của Hội đồng quản trị công ty. Theo đó, qui chế này qui định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

✚ Cơ cấu bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý công ty được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ các bộ phận đảm bảo liên kết chặt chẽ, vận hành linh hoạt và phù hợp với lĩnh vực hoạt động của công ty. Sơ đồ bộ máy tổ chức hoạt động của công ty như sau:

CƠ CẤU TỔ CHỨC BAN ĐIỀU HÀNH



✚ Các công ty con, công ty liên kết

Tại ngày 31/12/2020 công ty có sáu (06) công ty con và hai (02) công ty liên kết, thông tin về các công ty con, công ty liên kết như sau:

Thông tin về công ty con

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Thành phố Hồ Chí Minh	85%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước

2	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55%	55%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
3	Công ty TNHH Cấp thoát nước Củ Chi	Thành phố Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
4	Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia	Tỉnh Lâm Đồng	90%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
5	Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51%	51%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
6	Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật

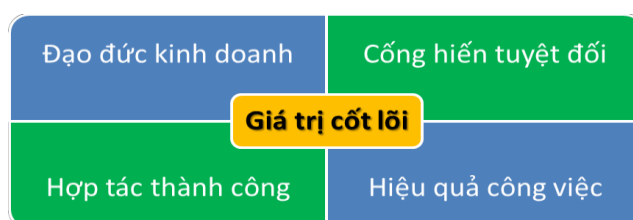
Các công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Thành phố Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch
2	Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49%	49%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch

5. Định hướng phát triển

🚩 Tâm nhìn

“Saigon Water sẽ sớm trở thành biểu tượng số 01 của nhà phát triển hạ tầng trong ngành công nghiệp nước sạch và nước thải tại Việt Nam, việc cung cấp các giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng của chúng tôi để tạo ra lợi nhuận bền vững cho Saigon Water”.



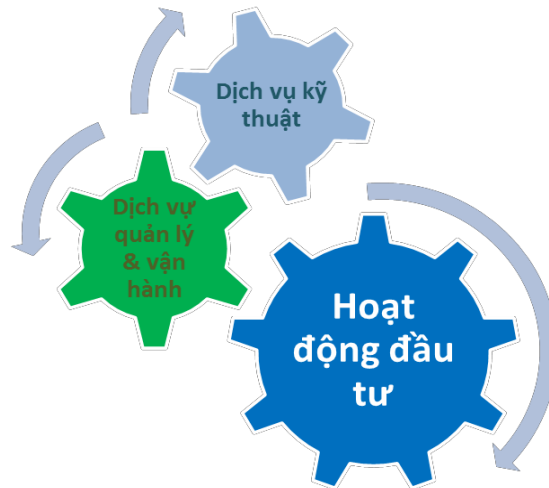
🚩 Sứ mệnh

“Cống hiến cho cộng đồng ngành nước với giải pháp tổng thể và góp phần tạo dựng giá trị bền vững của Công ty”.

🚩 Định hướng chiến lược phát triển

Tập trung vào 3 mảng kinh doanh cốt lõi:

- + Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước
- + Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước
- + Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước



❖ **Đầu tư phát triển các dự án về xử lý môi trường nước (Investment)**

- Xây dựng và phát triển các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty đã xác định (tạo nguồn hàng)
- Tái cấu trúc các dự án đầu tư hiện hữu để chuẩn hóa lĩnh vực đầu tư tài chính
- Thoát vốn đầu tư cho các đối tác đầu tư chuyên ngành để tái đầu tư vào các dự án mới, vẫn duy trì một tỷ lệ sở hữu thích hợp để đảm bảo hiệu quả cho các nhà đầu tư bằng dịch vụ O&M.

❖ **Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước**

- Phát triển và tăng cường sự hiện diện của các thiết bị và hệ thống do Enviro nghiên cứu, sản xuất.
- Cùng đối tác chiến lược thúc đẩy sự hiện diện và tạo ảnh hưởng công nghệ đối với thị trường bằng giải pháp công nghệ và thiết bị chất lượng cao từ Hoa Kỳ.

❖ **Dịch vụ vận hành bảo trì (O&M) trong lĩnh vực môi trường nước**

- Khai thác dịch vụ từ các dự án do Công ty và các đối tác đầu tư.
- Từng bước mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ cho các khách hàng mới.

✚ **Các mục tiêu đối với môi trường, cộng đồng và xã hội.**

Vấn đề ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái đang là một vấn đề nóng bỏng và ngày càng trở nên trầm trọng. Việt Nam cũng đang phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng này. Hơn

nữa, Việt Nam phải cam kết thực hiện ngày càng nhiều hơn các quy định quốc tế về bảo vệ môi trường, đảm bảo quá trình phát triển bền vững. Cụ thể, trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, theo ý kiến của Hội Cấp Thoát Nước Việt Nam, tỷ lệ bao phủ cấp nước chỉ đạt chưa đầy 60% trong các đô thị Việt Nam. Hơn nữa, tỷ lệ thất thoát nước sạch trong ngành cấp nước Việt Nam còn ở mức cao (40- 50%). Đây cũng là một yếu tố làm cho chất lượng các dịch vụ cấp nước hiện có chưa cao, hiệu quả thấp. Ngoài ra, khoảng 1,5 tỷ m³ nước thải chưa được xử lý đang thải vào môi trường. Trong khi, hiện chỉ có rất ít các nhà máy xử lý nước thải được xây dựng và vận hành (120 triệu m³ được xử lý hàng năm). Điều này cho thấy, chưa đầy 10% sản lượng nước thải hàng ngày được xử lý. Cho nên, nhu cầu xử lý nước thải cũng là một nhu cầu to lớn trong 20 năm tới.

Với khả năng và thế mạnh của mình, cũng như cơ hội của thị trường, Công ty có khả năng cung cấp các giải pháp tổng thể cho ngành (đầu tư, dịch vụ kỹ thuật, vận hành) và sẽ có được những “Giải pháp hiệu quả để mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng là nền tảng tạo nên lợi nhuận bền vững của doanh nghiệp”. Qua đó, “Cống hiến cho cộng đồng những công trình hạ tầng nước thông qua giải pháp tổng thể và mang lại cho doanh nghiệp các giá trị bền vững”.

6. Các rủi ro

Rủi ro đầu tư

Hiện nay hầu hết các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp có dự án thực hiện tại Việt Nam cho nên phải chịu sự điều chỉnh bởi những điều kiện kinh tế, chính trị, luật pháp của Việt Nam. Do ngành hạ tầng nước là ngành có tính địa phương cao, rủi ro về cơ chế chính sách cũng khác nhau ở từng địa phương. Việc đầu tư vào ngành nước cũng chịu rủi ro đến từ bản chất của ngành: đòi hỏi thời gian thu hồi vốn dài nên có thể cần khả năng quản lý nguồn vốn dài hạn để đầu tư dự án.

Hoạt động đầu tư của công ty có thể tăng trưởng và mở rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau đặc biệt là danh mục đầu tư thuộc lĩnh vực hạ tầng nước và các dịch vụ đô thị, môi trường và xã hội. Đây là xu hướng đầu tư chính của công ty theo đúng định hướng của Việt Nam hiện nay là sử dụng nguồn lực trong dân chúng để chia sẻ những khó khăn về tài chính của Chính phủ.

Định hướng phát triển của công ty là linh hoạt trong từng thời điểm phù hợp với những thay đổi về nền kinh tế, chính trị và những quy định hiện hành tại Việt Nam. Những chính sách kinh tế của Việt Nam có thể thay đổi, vì vậy việc lựa chọn đầu tư vào những dự án có tính an toàn cao luôn được ưu tiên hàng đầu đối với Công ty, đây cũng là ưu tiên hàng đầu đối với Công ty cho sự phát triển kinh doanh và triển vọng của Công ty trong tương lai.

Rủi ro liên quan đến các chính sách tín dụng và lãi suất

Ngoài khoản đầu tư bằng vốn góp của các cổ đông, Công ty cũng sử dụng nguồn tài trợ từ các tổ chức tín dụng. Trong thời kỳ kinh tế biến động như hiện nay thì việc kiểm soát nền kinh tế đi đúng định hướng phát triển đất nước và để đảm bảo hạn chế thấp nhất những tác động xấu từ sự vỡ nợ mất thanh khoản của các tổ chức tín dụng thì ngân hàng nhà nước đã đưa ra các quy định

nhằm kiểm soát chặt chẽ các hoạt động của tổ chức tín dụng một cách hợp lý. Lãi suất huy động trong năm tương đối ổn định. Mặt bằng lãi suất cho vay phổ biến của các lĩnh vực ưu tiên ở mức 6%-6,5%/năm đối với ngắn hạn, 9%-10%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3%-11%/năm đối với trung và dài hạn. Lãi suất ổn định và chính sách tín dụng mang tính hỗ trợ cho sự phát triển của kinh tế tư nhân đã tạo điều kiện cho triển khai chiến lược tài chính của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, v.v... là những rủi ro bất khả kháng ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Các rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đặc biệt là đối với các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	TH so với cùng kỳ
Tổng sản lượng (triệu m ³)	28,70	27,45	105%
Sản lượng bình quân ngày (m ³ /ngày)	78.409	75.212	104%
Giá bán bình quân (VND/m ³)	6.883	6.473	106%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.293	180.729	109%
Doanh thu cung cấp nước sạch	186.640	166.565	112%
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	10.500	7.611	138%
Doanh thu bán hàng hóa	154	6.359	2%
Doanh thu khác	-	195	0%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	197.293	180.729	109%
Giá vốn hàng bán	216.050	215.150	100%
Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-18.757	-34.420	54%
Doanh thu hoạt động tài chính	77.032	33.620	229%
Chi phí tài chính	96.504	111.128	87%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	95.611	110.343	87%
Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết	3.644	31.581	12%
Chi phí bán hàng	14.324	12.741	112%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.607	62.492	103%
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	-113.517	-155.581	73%
Thu nhập khác	10.537	203.167	5%
Chi phí khác	142	1.793	8%

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Thực hiện năm 2019	TH so với cùng kỳ
Lợi nhuận khác	10.395	201.374	5%
Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	-103.122	45.792	-225%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.935	4.028	48%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	5.961	9.172	65%
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-111.017	32.592	-341%
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	-104.595	51.467	-203%
(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	-6.422	-18.875	34%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cp)	(1.621)	798	-303%

Trong năm 2020, Công ty phải chịu mức lỗ sau thuế 104,6 tỷ đồng, chủ yếu do Công ty đã hoàn thành phân bổ khoản hỗ trợ 600 tỷ cho Dự án Củ Chi, nên không còn ghi nhận doanh thu 200 tỷ/năm từ khoản này. Một số yếu tố chủ yếu khác như sau:

- ✓ Doanh thu cung cấp nước tăng 12% so với năm 2019 khi nhiều nỗ lực thúc đẩy nhu cầu và giá bán đã và đang tiếp tục phát huy hiệu quả; doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị tăng 38% so với năm 2019, tuy nhiên doanh thu bán hàng chỉ bằng 2% so với mức của năm 2019.
- ✓ Doanh thu tài chính năm 2020 tăng mạnh so với 2019 là từ khoản hoạch toán bán Cantho WASSCO 29,7 tỷ cùng với cổ tức BOO Thủ Đức 8,1 tỷ và cổ tức Tân Hiệp 46,4 tỷ (bao gồm cổ tức năm 2019 là 36,1 tỷ và năm 2020 tạm ứng 10,3 tỷ đồng).
- ✓ Chi phí giá vốn được giữ ở mức xấp xỉ năm 2019, trong khi chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng so với năm 2019 chủ yếu do năm 2020 khoản trích lập dự phòng công nợ khó đòi lên đến 29,3 tỷ (trong đó SII trích lập 6,7 tỷ, Enviro 12,6 tỷ; Đan kia 8,2 tỷ và Pleiku 1,8 tỷ) trong khi năm 2019 tổng chi phí trích lập dự phòng là 12,3 tỷ (chủ yếu đến từ Enviro) và nếu không tính khoản trích lập dự phòng thì chi phí quản lý năm nay giảm khoảng 14,8 tỷ phần lớn do năm nay không còn ghi nhận chi phí hoạt động của công ty Asia và An Khê trên báo cáo hợp nhất (chiếm khoảng 9 tỷ) và một phần do Ban điều hành tái cấu trúc nhằm giảm chi phí hoạt động. Tuy nhiên, chi phí tài chính giảm khoảng 14,6 tỷ, tương đương 13% nguyên nhân do dư nợ vay cũng như lãi suất vay giảm.

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành

Danh sách ban điều hành và tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết tại ngày 31/12/2020:

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	0,00%

STT	Họ tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
2	John Walter E. Tendencia	Phó Tổng Giám đốc	0,00%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	0,00%
4	Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	0,00%
5	Alvin Evangelista	Giám đốc Kiểm soát tài chính	0,00%
6	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự	0,00%

Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

Ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc:

- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thái Bình
- Địa chỉ thường trú: 818/56B Lê Lợi, Phường 3, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 1990 – 2001: Cán bộ Quản lý xưởng chế biến gỗ, Công ty Sapsimex.
 - Từ 2002 – 2008: Phó Giám đốc Xí nghiệp dịch vụ thu phí, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
 - Từ 2009 – 2010: Giám đốc, Công ty CP Đầu tư Đồng Thuận.
 - Từ 2011 – Tháng 09/2011: Trưởng ban Quản lý dự án, Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM.
 - Từ Tháng 10/2011- 03/2012: Tổng Giám đốc, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.
 - Từ Tháng 04/2012- 07/2014: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.
 - Từ Tháng 08/2014- 03/2018: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Cầu đường CII. (Tên cũ là: Công Ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia.)
 - Từ tháng 04/2018- nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (Saigon Water, thành viên của CII).

- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - An Khê, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp, và Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN.

Ông John Walter E. Tendencia – Phó Tổng Giám đốc

- Ngày tháng năm sinh: 23/08/1982
- Nơi sinh: Manila, Philippines
- Quốc tịch: Philippines
- Dân tộc: Không có
- Quê quán: Philippines
- Địa chỉ thường trú: 53-55 Bà Huyện Thanh Quan, phường 6, quận 3, Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kỹ sư Điện
- Quá trình công tác:
 - Từ 2005 - 2006 : Quản lý vùng tại Manila Water Company, Inc.;
 - Từ 2007 - 2008 : Trưởng phòng Tự động hóa, Chuyên viên phát triển kinh doanh, bổ nhiệm tại công ty Mahindra Water Utilities;
 - Năm 2009 : Trưởng phòng kết hoạch sản xuất tại Manila Water Company;
 - Từ 2009 - 2013 : Trưởng Phòng kỹ thuật kiêm Phát triển kinh doanh tại Manila Water Company, Inc.;
 - Từ 2012 - 2013 : Trưởng phòng Phân phối tại Manila Water Company;
 - Từ 2013 - 2018 : Phó Giám Đốc quản lý vận hành Nhà máy nước Kênh Đông;
 - Từ 02/2018 - 07/2018 : Giám đốc Điều hành Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn;
 - Từ 08/2018 – Nay : Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty CP Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - An Khê, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, và Hội

đồng thành viên Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN.

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1980
- Nơi sinh : Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Gia Lai
- Địa chỉ thường trú: 451/94 Phạm Thế Hiển, Phường 3, Quận 8, Tp. HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)
- Quá trình công tác:
 - Từ tháng 6/2003 đến tháng 04/2005: Kế toán Công ty TNHH Giao nhận Altus;
 - Từ tháng 04/2005 đến tháng 04/2006: Kế toán TH Công ty Obayashi Corporation;
 - Từ tháng 04/2006 đến tháng 02/2010: Trưởng phòng kế toán Công ty Quản lý quỹ Việt Nam (VFM);
 - Từ tháng 5/2010 đến tháng 01/2014: Quản lý văn phòng Công ty CP CK Hùng Vương;
 - Từ tháng 05/2014 đến tháng 05/2015: Kế toán trưởng Công ty TNHH QLQ ACE Life
 - Từ tháng 05/2015 đến tháng 04/2016: Cố vấn Tài chính kế toán Công ty Riverorchid PR và ALternaty Real Estate Service;
 - Từ năm 2016 đến nay: Giám đốc tài chính kiêm kế toán trưởng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng.
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Cấp thoát nước Gia Lai, Hội đồng Thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Đầu tư nước SGN, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đan Kia, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - An Khê, Trưởng ban kiểm soát kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn – An Khê.

Ông Châu Ngọc Trọng: Giám đốc Kỹ thuật

- Ngày tháng năm sinh: 24/12/1980
- Nơi sinh: Đăk Lăk
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Đắc Lắc
- Địa chỉ thường trú: 84 Chu Văn An, P1, Q6, Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ Môi trường
- Quá trình công tác:
 - Từ Tháng 8/2003 – Tháng 1/2005 : Tư vấn giám sát thi công, Chi nhánh Công ty nước và môi trường Việt nam tại Tp. Hồ Chí Minh (Viwase).
 - Từ Tháng 1/2005 – Tháng 11/2009: Thiết kế kỹ thuật, Công ty CP Nước Môi trường và Hạ tầng kỹ thuật Sài Gòn (Thành viên của Viwase).
 - Tháng 11/2009 – Tháng 2/2014: Chỉ huy trưởng công trình, Công ty Manila Water (Manila Water).
 - Tháng 02/2014 – Tháng 07/2018: Giám đốc Dự án kiêm Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water).
 - Từ tháng 08/2018 – Nay: Giám đốc Kỹ Thuật, Công ty CP Hạ tầng Nước Sài Gòn (Saigon Water)
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc Kỹ thuật
- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Giám đốc Công ty Cổ phần kỹ thuật Enviro, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi và Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.


Ông Alvin Evangelista: Giám đốc Kiểm soát tài chính

- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1983
- Nơi sinh : Philippines
- Quốc tịch : Filipino
- Địa chỉ thường trú: Unit 18-16 Landmark Plus, Vinhomes Central Park, quận Bình Thạnh, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Quá trình công tác:
 - Tháng 04/2010 - Tháng 02/2012: Chuyên viên Kế toán tại Montgomery Pacific Outsourcing.
 - Tháng 03/2011 - Tháng 06/2014: Giám đốc Kiểm soát Tài chính Khu vực kinh doanh San Juan Mandaluyong tại Manila Water Company.

- Tháng 06/2014 - Tháng 08/2015: Trưởng phòng Kiểm soát Tài chính Vận hành Khu vực Đông tại Manila Water Company.
- Tháng 08/2015 - Tháng 08/2016: Trưởng phòng Tài chính tại Manila Giải pháp Tổng thể.
- Tháng 08/2016 - Hiện tại: Giám đốc Tài chính và Hành chính - Công ty Cổ phần Giải pháp Mạng Nước Châu Á kiêm Giám đốc Tài chính và Hành chính tại Văn phòng Đại diện tại Việt Nam của Manila Water Châu Á Thái Bình Dương;
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Giám đốc Kiểm soát tài chính

Ông Lê Văn Nam: Giám đốc Hành chính – Nhân sự

- Ngày tháng năm sinh: 12/06/1976
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: T5. A12B.11 Chung cư Masteri Thảo Điền, Phường Thảo Điền, Quận 2, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Quá trình công tác:
 - Từ 1999 đến 2000: CV tại Viện kiểm sát Nhân dân Thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
 - Từ 2001 đến 2003: Trưởng phòng Mua sắm Tổng hợp tại Công ty TNHH thương mại Đức Phương;
 - Từ 2003 đến 2006: Nhân viên, Phó trạm thu phí, Trưởng phòng Hành chính - Kế toán tại Xí nghiệp Dịch vụ Thu phí - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM (CII);
 - Từ 2006 đến nay: Chuyên viên Tư vấn luật và Luật sư Tư vấn tại Vietlaw (đến năm 2010) và tại Văn phòng Luật sư Quang Lê;
 - Từ 2011 đến nay: Trưởng Văn phòng Đại diện tại Công ty TNHH Thương mại và Công nghệ Kỹ thuật TNT, TP.HCM;
 - Từ 2018 đến nay: TV HĐQT tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Danameco
- Chức vụ công tác hiện nay ở Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính – Nhân sự.

 Số lượng lao động trong công ty:

Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2020	Tỷ lệ trên tổng số nhân viên
Số lượng cán bộ nhân viên (người)	125	97% (chưa bao gồm 04 thành viên BGD)
Tiền lương bình quân (đồng/người/tháng)	12.908.462	
Phân theo trình độ chuyên môn		
- Đại học và trên đại học (người)	43	34%
- Cao đẳng, trung cấp (người)	34	27%
- Khác (người)	48	38%
Phân theo hợp đồng		
- Hợp đồng không xác định thời hạn(người)	100	80%
- Hợp đồng có xác định thời hạn từ 01 đến 03 năm	25	20%

🌟 Chính sách đối với người lao động Thời gian làm việc:

- Thời gian làm việc của khối văn phòng: 05 ngày/tuần. Buổi sáng: từ 8 giờ đến 12giờ00. Buổi chiều: từ 13giờ00 đến 17giờ00.
- Riêng văn phòng giao dịch Củ Chi, để thực hiện dịch vụ cấp nước 24/24 có lịch làm việc riêng cho từng bộ phận và vẫn đảm bảo tuân thủ số giờ làm việc theo luật lao động quy định.
- Ngày nghỉ hàng tuần: Chiều thứ bảy và chủ nhật.
- Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: được nghỉ theo công bố của Nhà Nước
- Người lao động được nghỉ phép 12 ngày/năm. Cứ làm việc được ba năm sẽ được thêm 1 ngày phép.
- Người lao động được nghỉ lễ, tết theo quy định của Luật Lao động.

🌟 Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Tuyển dụng:

- Công ty chú trọng tuyển dụng những nhân viên phù hợp với yêu cầu của công việc. Công ty khuyến khích việc tuyển dụng nội bộ nhằm tạo điều kiện cho nhân viên có cơ hội phát triển và thăng tiến.
- Bên cạnh đó, Công ty vẫn thực hiện công tác tuyển dụng nhân lực từ bên ngoài. Nhân viên được Công ty tuyển dụng trực tiếp hoặc thông qua các Công ty Tư vấn, Môi giới nhân lực, thi tuyển hoặc sự giới thiệu của nhân viên Công ty, của cơ quan quản lý địa phương.

Đào tạo:

- Công ty chú trọng việc các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn, khuyến khích người lao động học tập nâng cao trình độ công tác và đạo đức nghề nghiệp.
- Thực hiện thường xuyên công tác đào tạo nội bộ do các giám đốc, trưởng bộ phận chuyên môn phụ trách.

Chính sách lương, thưởng và phúc lợi:

Chính sách lương:

Điều 1: Hình thức trả lương căn cứ ghi trên hợp đồng lao động và được thanh toán làm một lần trong khoản thời gian từ ngày 25 của tháng hiện tại tới ngày 5 của tháng liền kề.

Đơn giá trả lương được căn cứ vào mức lương được ghi trên hợp đồng lao động cá nhân. Người lao động khi lãnh lương phải biết được mọi khoản lương được lãnh của mình.

Điều 2: Căn cứ vào điều 28 Chương III của Bộ luật lao động 2012, tất cả người lao động làm việc tại Công ty đều phải qua thời gian thử việc và được hưởng 85% lương căn bản theo cấp bậc công việc hoặc theo Bộ luật hiện hành. Sau thời gian thử việc nếu người lao động được chính thức ký hợp đồng tuyển dụng thì sẽ được hưởng 100% lương căn bản theo cấp bậc công việc.

Điều 3: Nếu có nhu cầu làm thêm giờ thì người lao động được trả lương làm thêm giờ theo điều 97 Chương VI của Bộ luật lao động đã được sửa đổi và theo quy định của Bộ luật lao động hiện hành.

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%.
- Vào ngày nghỉ hàng tuần, ít nhất bằng 200%.
- Vào ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300%.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm việc thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc ban ngày.

Khen thưởng

- Chế độ khen thưởng (do doanh nghiệp định mức thực hiện theo Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về tiền lương) và theo Quy chế lương và Nội quy lao động Công ty,
- Thưởng ít nhất 01 tháng lương (tháng lương thứ 13) cho Người lao động theo mức lương trên HĐLĐ và tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các phúc lợi khác:

Được trích từ chi phí của Công ty, Quỹ khen thưởng phúc lợi các khoản chăm lo cho người lao động cụ thể như sau:

- Hằng năm, tổ chức cho người lao động tham quan, nghỉ mát một lần, về chi phí tùy theo tình hình kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động.
- Tiền đồng phục tối đa: 2.000.000 đồng/01 người/ 01 năm, không chi tiền mặt, nếu chi không hết sẽ chuyển vào quỹ cho các năm tiếp theo.
- Các khoản phúc lợi liên quan đến hiếu hi, ma chay, ốm đau...theo Thỏa ước lao động tập thể.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong 2020, Công ty đã đạt được nhiều kết quả khả quan trong việc vận hành và quản lý các dự án. Những kết quả này đạt được cũng nhờ phần lớn từ sự nỗ lực của ban điều hành trong quá trình thương thảo để đạt được những cam kết nhất định, không chỉ từ các chính quyền địa phương mà còn từ các tổ chức tài chính và khách hàng mới. Những thành tựu nổi bật của công ty trong năm như sau:

- Hoàn thiện đề án xin cấp bù phí vận chuyển gửi Sở Xây dựng và Sở Xây dựng đã chuyển hồ sơ sang Sở Tài chính để xem xét và trình UBND Thành phố.
- Saigon Water tham gia vào quá trình cổ phần hóa và hoàn tất việc đầu tư Công ty cổ phần Cấp Nước Gia Lai với tổng mức đầu tư lên đến 121 tỷ đồng, tương đương với 51% vốn điều lệ của công ty. Đại hội đồng cổ đông lần đầu tiên đã được tổ chức vào tháng 12/2016, chính thức tuyên bố thay đổi hình thức hoạt động và cơ cấu tổ chức công ty. Nổi tiếp thành công trong năm 2019, trong năm 2020, công ty này tiếp tục đạt mức tăng trưởng lợi nhuận ấn tượng.
- Dự án nhà máy nước Tân Hiệp 2 đã đi vào hoạt động từ 2017 và từ đó đến nay liên tục đạt được thành quả tốt, mang lại nguồn thu lớn cho Công ty.
- Kết quả của các dự án đầu tư này là các bước hiện thực hóa mục tiêu đóng góp cho ngành hạ tầng nước tại Việt Nam và củng cố thêm vị thế của Công ty trên thị trường.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2020	2019	% thay đổi
Tổng giá trị tài sản	2.456,62	2.849,30	86%
Doanh thu thuần	197,29	180,73	109%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(113,52)	(155,58)	73%

Chỉ tiêu	2020	2019	% thay đổi
Lợi nhuận khác	10,54	203,17	5%
Lợi nhuận trước thuế	(103,12)	45,79	-225%
Lợi nhuận sau thuế	(111,02)	32,59	-341%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2020	2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,33	0,85
- Hệ số thanh toán nhanh	0,29	0,78
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Nợ/ Tổng tài sản	41%	45%
- Nợ/Vốn chủ sở hữu	69%	81%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay khoản phải thu ngắn hạn	1,57	0,86
- Vòng quay hàng tồn kho	9,47	7,09
- Vòng quay tổng tài sản	0,07	0,06
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-56,3%	18,0%
- Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-7,6%	2,1%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-4,5%	1,1%
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-57,5%	-86,1%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành tính đến ngày 31/12/2020: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang niêm yết tính đến ngày 31/12/2020: 64.522.104 cổ phiếu phổ thông

5.2. Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2020

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ trọng
1	Cổ đông trong nước	151	32.932.107	51,04%
	Cá nhân	145	204.297	0,32%
	Tổ chức	6	32.727.810	50,72%
2	Cổ đông nước ngoài	19	31.589.997	48,96%
	Cá nhân	13	24.277	0,04%
	Tổ chức	6	31.565.720	48,92%
Tổng cộng		170	64.522.104	100%

🚩 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (có quyền biểu quyết) của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2020

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Ngày cấp	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	0302483177	12/24/2001	3A Nguyễn Văn Thủ, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	32.654.750	50,61%
2	VIAC (No.1) Limited Partnership	CA5360	07/12/2011	24 Raffles Place #22-00 Clifford Center, Singapore (048621)	7.034.700	10,90%
3	Manila Water South Asia Holdings PTE. LTD	201009681K	05/05/2010	36 Robison Road, #17-01 City House, Singapore (068877)	24.516.000	38,00%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động môi trường

- Luôn tuân thủ các quy trình và thủ tục lấy nước thô của chính quyền và địa phương cho các nhà máy xử lý nước;
- Hoàn thiện hồ sơ cam kết môi trường khi bắt đầu dự án mới;
- Phối hợp vận hành với các nhà máy nước và đội quản lý mạng cấp nước nhằm kiểm soát và tiết kiệm được lượng điện năng, hóa chất tiêu thụ một cách;
- Xây dựng quy định, cũng như các giải pháp sử dụng hiệu quả nguồn điện theo chương trình tiết kiệm điện của các sở ban ngành;
- Xây dựng và thực hiện các chính sách về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy rừng và phương án quản lý bảo vệ rừng cho các nhà máy tại các tỉnh thành.

6.2. Tác động xã hội

- Với mục tiêu đóng góp cho cộng đồng thông qua sản phẩm và dịch vụ của Công ty, với từng dự án được triển khai, Công ty đều có sự chú trọng đến tác động xã hội trong công tác tuyển dụng, đào tạo, kiến tạo môi trường làm việc và cộng đồng trong khu vực của dự án. Công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công việc luôn có ưu tiên cho lao động tại địa phương nơi dự án hình thành và phát triển. Công ty đặc biệt quan tâm đến các chính sách, chế độ tiền

lương cho người lao động, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động tương xứng với sự phát triển của công ty.

- Trong năm 2019, Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động xã hội như hội thao do UBND huyện và tỉnh tổ chức, chương trình hiến máu tình nguyện, tổ chức thăm hỏi vào các dịp lễ tết cho các hộ nghèo trong khu vực, cũng như đóng góp hỗ trợ cho các chương trình thiện nguyện tại địa phương.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Trong năm 2020, Saigon Water tiếp tục đặt mục tiêu nâng cao hiệu quả đầu tư thông qua việc tập trung cải thiện hiệu quả hoạt động vận hành của các công ty thành viên, nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để giúp tăng doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh nước sạch, đồng thời phối hợp, làm việc với các sở ban ngành tại các địa phương để thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách liên quan đến cấp nước đem lại nhiều lợi ích cho Công ty. Với định hướng đó, Công ty đã có nhiều hoạt động nhằm đảm bảo thực hiện được các mục tiêu kinh doanh đề ra. Mặc dù vẫn còn nhiều thử thách với nguồn vốn và nhân lực giới hạn, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với sự đồng tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công nhân viên, hoạt động kinh doanh năm 2020 của Công ty vẫn có các cột mốc đáng ghi nhận về mặt tăng trưởng và dấu ấn trên thị trường.

🚩 Những tiến bộ đã đạt được

Công ty đã đạt được những kết quả trong việc triển khai và hoàn tất các dự án. Đây là kết quả của việc tận dụng các nguồn lực và nỗ lực của ban quản trị trong việc quản lý dự án. Những thành quả của Công ty trong năm 2020 bao gồm:

- Dự án Củ Chi đã có hơn 88.280 đầu nối hoàn thiện tính đến thời điểm cuối tháng 12/2020. Sản lượng nước ghi trung bình thu đạt hơn 26.500 m³/ngày đem lại hơn 80 tỷ doanh thu cấp nước trong năm 2020, tuy nhiên so với số lượng đồng hồ đã đấu nối thì hiện nay chỉ có hơn 72% hộ dân sử dụng nước do thói quen sử dụng nước ngầm vẫn đang duy trì. Công ty cũng đã và đang phát động phong trào khuyến khích người dân sử dụng nước nhưng chưa mang lại hiệu quả cao;
- Từ tháng 12/2016, Saigon Water đã chính thức đầu tư vào Cấp Nước Gia Lai với tỉ lệ 51% vốn điều lệ. Sau hơn 3 năm hoạt động dưới hình thức cổ phần hoá, Công ty Cấp nước Gia Lai đã và đang hoàn thiện bộ máy và tiến hành các kế hoạch khảo sát khắc phục thất thoát; thay đồng hồ cũ hết hạn sử dụng nhằm cải thiện doanh thu, đem lại hiệu quả hoạt động tốt hơn.

- Cơ cấu tổ chức tiếp tục được cập nhật cho phù hợp với tình hình phát triển thực tế của Công ty, và đang từng bước hoàn thiện theo hướng hiệu quả hơn;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, dự toán chi phí, doanh thu, dòng tiền nhằm đảm bảo kiểm soát chặt chẽ dòng tiền, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh;

2. Tình hình tài chính

✚ Tình hình tài sản

Tổng tài sản cuối năm 2020 đạt 2.456.301 triệu đồng, cụ thể như sau:

TÀI SẢN (Đvt: triệu đồng)	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Thay đổi
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	130.308	324.945	-194.638
1. Tiền và tương đương tiền	14.020	9.305	4.715
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000	82.980	-77.980
3. Các khoản phải thu	70.913	181.115	-110.202
4. Hàng tồn kho	16.156	26.342	-10.186
5. Các tài sản ngắn hạn khác	24.219	25.204	-985
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	2.326.309	2.524.357	-198.047
1. Các khoản phải thu dài hạn	246	241	5
2. Tài sản cố định	1.960.542	2.155.550	-195.008
3. Tài sản dở dang dài hạn	1.487	4.169	-2.682
4. Đầu tư tài chính dài hạn	319.575	311.633	7.942
5. Các tài sản dài hạn khác	44.459	52.763	-8.304
TỔNG TÀI SẢN	2.456.617	2.849.302	-392.685

✚ Tình hình nợ phải trả

Tổng các khoản nợ đến cuối năm 2020 là 999,19 tỷ đồng, giảm tương đương 273,96 tỷ đồng so với cuối năm 2019. Các khoản nợ này đa phần là từ các khoản vay từ ngân hàng để hỗ trợ cho Dự án củ chi, vay từ việc huy động phát hành trái phiếu riêng biệt và một phần từ các khoản nợ ngắn hạn còn phải thanh toán cho các đối tác. Chi tiết các khoản nợ của công ty như sau:

Đvt: triệu đồng

NỢ PHẢI TRẢ	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Thay đổi
I. NỢ NGẮN HẠN	400.343	381.114	19.229
1. Phải trả người bán ngắn hạn	37.005	40.602	-3.597
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	179	81.243	-81.064
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.871	1.607	264

NỢ PHẢI TRẢ	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020	Thay đổi
4. Phải trả người lao động	723	209	514
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	11.730	18.777	-7.047
6. Phải trả ngắn hạn khác	915	2.456	-1.541
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	346.044	235.090	110.954
8. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	1.875	1.130	745
II. NỢ DÀI HẠN	598.844	892.030	-293.186
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	583.170	882.064	-298.894
2. Thuế TNDN hoãn lại phải trả	15.674	9.966	5.707
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	999.186	1.273.144	-273.958

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Công ty đã tiến hành thay đổi cơ cấu tổ chức để phù hợp với hoạt động hiện tại nhằm duy trì sự bền vững của Công ty cũng như đạt mục tiêu phát triển trong vòng 5 năm tới, vì vậy dẫn đến các thay đổi lớn trong cách thức hoạt động và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Thực hiện Nghị quyết số 29/2018/SGW/NQ-HĐQT- SGW ngày 31 tháng 07 năm 2018 của Hội đồng Quản trị Công ty về việc triển khai các thay đổi trong cơ cấu tổ chức Công ty, Ban điều hành được phân chia nhiệm vụ rõ ràng, cũng như Trưởng các bộ phận. Mỗi phòng ban đều được phân công, phân nhiệm, và hình thành sự phân cấp phân quyền báo cáo theo cơ cấu tổ chức.
- Nhìn chung, cơ cấu tổ chức mới phù hợp với nhu cầu hỗ trợ và kết nối trong giai đoạn hiện nay. Các phòng ban, các công ty con trực thuộc và công ty liên kết được tăng cường kênh trao đổi thông tin, thúc đẩy sự phối hợp giữa các các phòng ban, các Công ty con, các dự án trong Danh mục Quản lý, hướng đến hoạt động của Công ty ngày một hiệu quả và đồng bộ.
- Công ty cũng theo dõi sát sao các chỉ tiêu hoạt động tài chính và kinh doanh của Công ty thông qua việc lập kế hoạch kinh doanh, chi phí dự án, doanh thu và dòng tiền định kỳ.

4. Kế hoạch hoạt động trong năm 2021

Năm 2021 dự kiến tiếp tục là một năm khó khăn nữa của Công ty khi doanh thu dù có tăng nhưng vẫn chưa đủ bù đắp các chi phí và do đó sẽ tiếp tục chịu lỗ. Tuy nhiên, Công ty sẽ tiếp tục nỗ lực để giải quyết những khó khăn về sản xuất cũng như tài chính. Các mục tiêu và giải pháp chủ yếu như sau:

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các dự án, các Công ty thành viên: Tăng số lượng khách hàng khối sản xuất, qua đó tăng sản lượng ghi thu và giá bán bình quân; làm việc với UBND Thành phố, các sở ban ngành và ban quản lý của các KCN trên địa bàn để thúc đẩy việc chuyển từ nước ngầm sang sử dụng nước mặt do Công ty cung cấp.
- Giải quyết các nghĩa vụ tài chính thông qua việc khai thác các tài sản hiện có và tìm kiếm

các nguồn tài chính;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động và chất lượng quản lý của các công ty con bằng cách thực hiện các chương trình đánh giá chỉ tiêu hoạt động của các phòng ban;
- Những kế hoạch hành động thiết yếu của Ban điều hành là động lực chính để dẫn dắt công ty đạt lợi nhuận tốt và tăng giá trị thương mại phục vụ lợi ích cho tất cả cổ đông.

Kế hoạch và quản lý tài chính

Với nguồn tài lực hạn chế của Công ty, việc lên kế hoạch và quản lý tài chính là điều tối quan trọng đối với Ban điều hành. Những phương án thiết yếu như sau:

- Đảm bảo đủ nguồn vốn cho các khoản đầu tư, mua sắm tài sản và chi tiêu hoạt động. Những chỉ tiêu vốn này sẽ theo đúng một lộ trình sắp đặt sẵn cho các dự án và các khoản đầu tư đã được lên kế hoạch bởi Ban điều hành.
- Giám sát các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh và tài chính để đánh giá tính khả thi của dự án và hiệu quả đầu tư.
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết rõ ràng để nắm bắt những hoạt động không hiệu quả hay những chỉ tiêu không cần thiết.

Nâng cao hoạt động kinh doanh hiện tại

Đối với hoạt động của các khoản đầu tư hiện tại, Công ty nhắm tới nâng cao kết quả kinh doanh hiện tại kết hợp với việc sử dụng các nguồn vốn một cách hiệu quả hơn. Năm 2020 sẽ mang đến những cơ hội và những thách thức cho các công ty trực thuộc. Vì vậy, Ban điều hành đề xuất các phương án sau:

- Đảm bảo nguồn vốn cho kế hoạch hoạt động và đầu tư của Công ty mẹ và các công ty con, đồng thời rà soát các chiến lược tái cơ cấu vốn và quản lý dòng tiền;
- Tìm các giải pháp phát triển sức tiêu thụ tại các khu vực dự án.
- Nắm bắt các tiêu chí phục vụ khách hàng và gia tăng đào tạo chất lượng dịch vụ cho đội ngũ nhân viên trực thuộc;
- Đánh giá danh mục đầu tư của Công ty thông qua việc xem xét các khoản đầu tư, tài sản chưa hiệu quả và/hoặc đang mang lại giá trị cao cho Công ty và xác định chiến lược đầu tư hiệu quả nhất;
- Phát huy việc theo dõi các chỉ tiêu hoạt động chi tiết để nắm bắt sát sao tình hình hoạt động của Công ty và so sánh với những tiêu chuẩn phục vụ và chỉ tiêu kinh doanh tốt nhất.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

Dựa trên những dự đoán có căn cứ với các số liệu chi tiết mà Công ty cho là hợp lý về những hoạt động đầu tư, tình hình kinh tế, môi trường kinh doanh cũng như những định hướng chiến lược Công ty đã vạch ra, dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2021 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Thực tế 2020	Kế hoạch 2021	% thay đổi
1. Tổng doanh thu	334,46	330,62	-1%
2. Tổng chi phí	437,58	389,50	-11%
3. Lợi nhuận trước thuế	(103,12)	(58,88)	-43%
4. Lợi nhuận sau thuế	(111,02)	(61,77)	-44%
5. Lợi nhuận còn lại sau lợi ích cổ đông thiểu số	(104,60)	(59,86)	-43%

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng hoạt động kinh doanh chính của Công ty:

Phát triển Công ty thành một tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên về lĩnh vực Hạ tầng nước bao gồm ba mảng chính:

- Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải,
- Cung cấp dịch vụ kỹ thuật môi trường nước,
- Phát triển dịch vụ vận hành, bảo trì trong lĩnh vực môi trường nước.

Đầu tư phát triển các dự án về cung cấp nước sạch, xử lý nước thải:

Công ty sẽ tập trung nghiên cứu và phát triển các dự án tốt trong lĩnh vực môi trường bao gồm:

- o Đầu tư xây dựng, vận hành các dự án trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải, rác thải.
- o Đầu tư vào các doanh nghiệp hoặc các dự án hoạt động trong lĩnh vực xử lý và cung cấp nước sạch, xử lý nước thải.

Dịch vụ kỹ thuật môi trường nước:

Công ty sẽ tiếp tục đầu tư để phát triển và mở rộng thị trường, phát triển thêm các giải pháp công nghệ, và củng cố vững chắc vị thế của mình trên thị trường này. Hoạt động chính bao gồm:

- o Cung cấp các giải pháp công nghệ, máy móc, thiết bị cho các nhà máy xử lý nước sạch, xử lý nước thải;
- o Thiết kế, chế tạo máy móc thiết bị chuyên dụng cho ngành kỹ thuật môi trường;
- o Tìm kiếm, nghiên cứu, phát triển các dự án đầu tư trong lĩnh vực môi trường cho Công ty.

Phát triển dịch vụ vận hành, bảo dưỡng trong lĩnh vực môi trường nước:

Với chuyên môn sâu về ngành và quan hệ đối tác lớn trong lĩnh vực môi trường, Công ty sẽ có điều kiện để phát triển để cung cấp dịch vụ vận hành, bảo dưỡng cho các dự án nhà máy xử lý nước sạch, nước thải do khách hàng đầu tư hoặc do chính Công ty tham gia đầu tư. Đây là một dịch vụ đang được các định chế tài chính quan tâm, thúc đẩy và phát triển tại Việt Nam

theo đúng xu hướng phát triển chung trên thế giới.

Định hướng phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường hoạt động tìm kiếm nguồn nhân sự cho các vị trí quản lý cấp cao để đáp ứng cho nhu cầu phát triển của công ty trong những năm tới.
- Có kế hoạch mang tính chủ động đối với lực lượng lao động trực tiếp nhằm đáp ứng và duy trì hoạt động đầu tư tại mọi thời điểm theo yêu cầu.
- Từng bước xây dựng và hoàn thiện các chế độ tiền lương và đãi ngộ đối với người lao động, thực hiện tốt các chế độ bảo hiểm, các chính sách đảm bảo an toàn lao động nhằm thu hút người tài, người có tâm huyết đối với Công ty.

6. Báo cáo và đánh giá tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Liên quan đến môi trường

- Luôn kết hợp thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trong giai đoạn lựa chọn, xây dựng và phát triển dự án;
- Tăng cường công tác kiểm tra chặt chẽ hệ thống tuyến ống và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sửa chữa, duy tu các sự cố hư hỏng xảy ra, nhằm hạn chế tình hình thất thoát nước;
- Duy tu, bảo dưỡng hệ thống máy móc để nâng cao tuổi thọ hoạt động của máy.
- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc lịch trực vận hành, trực xử nước đảm bảo chất lượng đúng quy trình kỹ thuật.
- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp vào sản xuất để vận hành nhà máy tối ưu nhất.

6.2. Liên quan đến xã hội

- Cam kết đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng, tăng cường tìm hiểu nhu cầu sử dụng nước sạch tại địa phương nhằm đảm bảo người dân được tiếp cận với nguồn nước chất lượng cao.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng để cập nhật tiêu chuẩn và quy chuẩn an toàn của nguồn nước.
- Tăng cường công tác giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật cho người lao động trong công ty, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công việc, nêu cao tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân.
- Tiếp tục phát huy các hoạt động chăm sóc cộng đồng trong các năm trước.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá về hoạt động của Công ty

Năm 2020 là một năm khó khăn đối với nền kinh tế thế giới khi đại dịch COVID-19 tấn công nên

kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu trong công cuộc phòng chống dịch và nhờ đó vẫn đạt mức tăng trưởng GDP dương 2,91%. Tuy nước là sản phẩm thiết yếu và ít chịu ảnh hưởng, việc suy giảm sản xuất của nền kinh tế cũng như các đợt giãn cách xã hội cũng phần nào gây tác động tiêu cực đến nhu cầu dùng nước của khối thương mại và công nghiệp. Bên cạnh ảnh hưởng của đại dịch, một số những khó khăn cũng đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả kinh doanh của Công ty, tiêu biểu như việc không còn ghi nhận doanh thu 200 tỷ phân bổ từ 600 tỷ, hay việc nhiều khách hàng đặc biệt là khách hàng lớn vẫn đang khai thác nước ngầm, chưa sử dụng nước sạch do Công ty cung cấp.

Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn nỗ lực để đạt được những thành quả nhất định như: tăng sản lượng ghi thu ở hầu hết các công ty thành viên và dự án; đạt được những thỏa thuận, cam kết hoặc hỗ trợ từ phía khách hàng cũng như chính quyền địa phương về việc đóng giếng, hạn chế khai thác nước ngầm.... Những thành quả này là tiền đề để công ty tiếp tục củng cố vị thế cũng như xây dựng, phát triển năng lực cấp nước của mình, qua đó đóng góp cho ngành hạ tầng nước trong những năm tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám Đốc

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị (HĐQT) đã thực hiện công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc công ty thông qua việc ban hành kịp thời các nghị quyết và quyết định liên quan đến hoạt động của công ty. Tổng giám đốc và các thành viên Ban điều hành đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ trong điều hành các hoạt động của công ty, chuẩn bị các nội dung báo cáo và trình HĐQT xem xét, phê duyệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đã ban hành. Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho các thành viên HĐQT được thực hiện thường xuyên và đầy đủ.

Năm 2020 có những khó khăn, thách thức trong việc quản lý danh mục dự án, ổn định hoạt động của các dự án đã đi vào vận hành cũng như cố gắng mở rộng thị phần cấp nước. Trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế nói chung và của Công ty nói riêng, Ban điều hành Công ty đã nỗ lực trong việc triển khai thực hiện kế hoạch được ĐHCĐ thường niên năm 2019 thông qua và đạt được những cột mốc đáng ghi nhận đối với các dự án. HĐQT hết sức ghi nhận sự nỗ lực của Ban Điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên Công ty trong năm qua.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT

Trong năm 2020, Công ty có nhiều kế hoạch cần thực hiện nhằm nâng cao kết quả và đạt được chỉ tiêu đề ra. Đó là động lực thúc đẩy Công ty duy trì hiệu quả hoạt động và cải thiện công tác vận hành của các công ty con và dự án.

Căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, trong năm 2021, Hội đồng Quản trị sẽ tập trung thực hiện các hoạt động chủ yếu sau đây:

- Hội đồng quản trị vẫn sẽ linh hoạt và kiên định trong việc cải thiện kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm phục vụ cho lợi ích của các cổ đông;

- Liên tục quản lý và phát triển mối quan hệ với nhiều cơ quan khác nhau, bao gồm cả lĩnh vực tư nhân và tổ chức chính quyền, nhằm gia tăng kết nối để tăng sản lượng cung cấp của các nhà máy nước hiện hữu, và tạo nên ưu thế tốt hơn trong việc thương thảo giá bán nước và các yêu cầu dịch vụ;
- Chỉ đạo công tác huy động vốn đảm bảo việc cung ứng vốn kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời giám sát chặt chẽ khả năng thanh toán của công ty trong thời gian năm (5) năm;
- Triển khai thực hiện tốt các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SX- KD và đầu tư phát triển năm 2021.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

Hội Đồng Quản Trị (HĐQT) của công ty gồm 9 thành viên. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP nắm giữ/ Tỷ lệ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	50,61%
2	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	0,0155%
3	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT	0%
4	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT	0%
5	Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên HĐQT	
6	Ông Ferdinand Dela Cruz (không là Thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2020)	Thành viên HĐQT	
7	Bà Cecilia Cruzabra (là Thành viên HĐQT từ ngày 27/04/2020)	Thành viên HĐQT	
8	Ông Trần Thái Tùng	Thành viên HĐQT	
9	Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên HĐQT	
10	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên HĐQT	

1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT:

Hiện tại, công ty có Hội đồng Đầu tư (HĐĐT) và Tiểu ban tài chính nhằm hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị. Hội đồng Đầu tư (HĐĐT) – tiểu ban thuộc HĐQT. Hội đồng đầu tư có trách nhiệm giúp cho Hội đồng quản trị tìm hiểu và thẩm định các dự án đầu tư của công ty một cách hiệu quả nhất. Loại dự án được đưa vào danh mục thẩm định của Hội đồng Đầu tư phải có tổng giá trị đầu tư trên 10.000.000 USD (tương đương >200 tỷ đồng). Tiểu ban Tài chính có trách nhiệm xem xét, đánh giá và hỗ trợ Ban điều hành lập kế hoạch tài chính năm, trung và dài hạn.

Trong năm 2020, Hội đồng đầu tư và Tiểu ban tài chính đã thường xuyên tư vấn và hướng dẫn Ban

điều hành Công ty trong việc triển khai các dự án đầu tư, xem xét và đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án trong danh mục cũng như quản lý tình hình tài chính của công ty.

1.3. Hoạt động của HĐQT

Trong năm 2020, HĐQT đã họp 09 lần và ban hành các Nghị quyết với những nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/2020/SGW/NQ-HĐQT	13/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu, với tổng số lượng cổ phiếu đã phân phối là 6.104 cổ phiếu, chiếm 0,016% tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán. - Thay đổi vốn điều lệ sau đợt phát hành cổ phiếu. Vốn điều lệ sau khi phát hành là 645.221.040.000 đồng. - Ủy quyền cho Tổng giám đốc triển khai các công việc cần thiết để hoàn tất đợt chào bán cổ phiếu và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật. 	100%
02	02/2020/SGW/NQ-HĐQT	16/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Quý IV năm 2019 và Tình hình tài chính năm 2020 theo như Báo cáo ngày 05/03/2020 của Ban Điều hành. - Thông qua những nội dung trình và xin ý kiến Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, bao gồm: Báo cáo năm 2019 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2020; Tờ trình kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020; Tờ trình thay đổi ngành nghề kinh doanh. - Phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi năm 2020 theo Tờ trình 17/2020/SGW ngày 05/03/2020 của Ban Điều hành. - Thông qua việc bổ nhiệm ông Lê Văn Nam là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2020. Giao cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục theo quy chế hoạt động công ty cũng như quy định về nhân sự, phân công nhiệm vụ cho ông Lê Văn Nam theo đúng vị trí, chức danh công việc. - Thông qua các đề xuất của Ban Điều hành tại Tờ trình số 20/2020/SGW ngày 12/03/2020 về việc thoái vốn một phần tại Công ty cổ phần nước Sài Gòn – An Khê. 	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
03	03/2020/SGW/NQ-HĐQT	16/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo ngày 05/03/2020 của Ban Điều hành về Kết quả phát hành cổ phiếu của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn. - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục pháp lý để đăng ký thay đổi vốn điều lệ của Công ty theo đúng quy định hiện hành. 	100%
04	04/2020/SGW/NQ-HĐQT	16/03/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thống nhất thời gian và địa điểm tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 vào ngày 27/04/2020 tại Văn phòng Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn. - Thống nhất các nội dung trình báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 để thảo luận và thông qua như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng Quản trị; + Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Ban Kiểm soát; + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020; + Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2020; + Các vấn đề khác nếu có. - Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông (ngày cuối cùng đăng ký) là ngày 06/04/2020. - Ủy quyền cho Tổng Giám đốc triển khai công tác tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo quy định. 	77,8%
05	05/2020/SGW/NQ-HĐQT	16/04/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn; - Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2019; - Thông qua việc đề cử Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (iCPA) là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn tại Đại hội đồng Cổ đông năm 2019; 	77,8%
06	06/2020/SGW/NQ-HĐQT	20/04/2020	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu - Thay đổi vốn điều lệ sau đợt phát hành cổ phiếu - Ủy quyền cho Tổng giám đốc triển khai các công việc cần thiết để hoàn tất đợt chào bán 	100%

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			cổ phiếu và công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.	
07	07/2020/SGW/NQ-HĐQT	11/08/2020	- Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 theo như Báo cáo ngày 03/08/2020 của Ban điều hành.	100%
08	08/2020/SGW/NQ-HĐQT	23/11/2020	- Thông qua Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 09 tháng năm 2020 theo như Báo cáo ngày 11/11/2020 của Ban điều hành. - Phê duyệt chi phí vận chuyển nước sạch bằng xe bồn trên địa bàn Củ Chi trong năm 2021 theo Tờ trình số 64/2020/SGW ngày 11/11/2020 của Ban điều hành. - Phê duyệt kế hoạch đầu tư phát triển, cải thiện hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi năm 2021 và triển khai đầu tư khi có nguồn vốn theo Tờ trình số 67/2020/SGW ngày 18/11/2020 của Ban điều hành.	100%
09	09/2020/SGW/NQ-HĐQT	11/12/2020	- Thông qua chủ trương thực hiện khoản vay bổ sung vốn lưu động tại ngân hàng HDBank. - Giao cho người đại diện theo pháp luật (hoặc người đại diện theo ủy quyền từ người đại diện theo pháp luật) của Công ty ký kết các hợp đồng/ văn bản/ chứng từ liên quan tới khoản vay.	77,8%

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Các thành viên HĐQT độc lập không điều hành đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT. Các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

1.5. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

1.6. Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên HĐQT
3	Ông Virgilio Cervantes Rivera Jr.	Thành viên HĐQT

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Maria Victoria Sugapong (Không TV.BKS từ ngày 27/04/2020)	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
3	Ông Lawrence G. Velasco (là TV.BKS từ ngày 27/04/2020)	Trưởng Ban Kiểm soát
4	Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên

2.2. Hoạt động của BKS

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện nhiệm vụ sau:

- ❖ Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
- ❖ Phối hợp với Ban Giám Đốc và HĐQT kiểm tra giám sát hoạt động SXKD của công ty.
- ❖ Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý và Báo cáo tài chính năm, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch của BCTC. Phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.
- ❖ Định kỳ hàng quý, Ban kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch cho từng thành viên. Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch đã đề ra và tổng kết lập Báo cáo kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích khác của HĐQT, Ban Giám Đốc, Ban Kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao và lợi ích

- Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát: Trong năm 2020 Công ty không trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.
- Ban Điều hành: Lương, thưởng của Ban điều hành trong năm 2020 tổng cộng là 3.884.276.500 đồng.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Tổng cộng
1	Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc	77%	23%	100%
2	Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Hành chính Nhân sự	77%	23%	100%
3	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	77%	23%	100%
4	Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật	77%	23%	100%

4. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có

5. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

6. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty tuân thủ chấp hành các qui định về quản trị công ty theo qui định của pháp luật hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán Quốc Tế – Chi nhánh Sài Gòn, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác: Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 25 tháng 3 năm 2020.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

2.1. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính được đính kèm theo bản công bố thông tin này.

2.2. Địa chỉ công bố và cung cấp báo cáo tài chính công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Tầng 5, 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.HCM

Website: www.saigonwater.com.vn

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, kính thông báo đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Quý cổ đông và Quý nhà đầu tư được rõ.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 04 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC


NGUYỄN VĂN THÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN HẠ TẦNG NƯỚC SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Virgilio Cervantes Rivera, Jr	Thành viên
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Giao	Thành viên
Ông Trần Thái Tùng	Thành viên
Bà Cecilia T. Cruzabara	Thành viên (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)
Ông Ferdinand Dela Cruz	Thành viên (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Lawrence G. Velasco	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Bà Võ Hoàng Kiều Oanh	Thành viên
Bà Victoria P. Sugapong	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2020)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông John Walter E.Tendencia	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Giám đốc Tài chính
Ông Châu Ngọc Trọng	Giám đốc Kỹ thuật
Ông Alvin S.Evangelista	Giám đốc Kiểm soát tài chính

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Thành - Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



[Signature]
Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

Số: 1183/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 25 tháng 3 năm 2020.




Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2178-2018-072-1



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số: N.4184-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		130.307.532.245	324.945.097.105
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.019.882.985	9.304.557.307
1. Tiền	111		6.219.882.985	9.304.557.307
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.800.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.000.000.000	82.980.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.a	5.000.000.000	82.980.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70.912.870.663	181.114.629.523
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	45.163.365.429	46.774.469.238
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	754.454.200	546.813.363
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	8.099.119.562	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	59.814.810.204	147.428.316.838
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(43.951.191.403)	(14.667.282.587)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.032.312.671	1.032.312.671
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	16.155.804.054	26.341.516.541
1. Hàng tồn kho	141		16.155.804.054	26.341.516.541
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24.218.974.543	25.204.393.734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	954.080.543	967.924.701
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.116.258.276	14.306.734.308
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17.a	10.148.635.724	9.929.734.725

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.326.309.342.457	2.524.356.514.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		246.400.000	241.400.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	246.400.000	241.400.000
II. Tài sản cố định	220		1.960.541.703.812	2.155.550.143.193
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	1.953.504.412.208	2.145.747.953.879
- Nguyên giá	222		2.591.763.904.826	2.707.183.759.779
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(638.259.492.618)	(561.435.805.900)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.037.291.604	9.802.189.314
- Nguyên giá	228		11.070.047.210	13.003.762.210
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.032.755.606)	(3.201.572.896)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.487.216.185	4.168.916.066
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.487.216.185	4.168.916.066
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		319.575.285.468	311.633.282.273
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12.b	176.421.890.468	168.479.887.273
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12.c	143.153.395.000	143.153.395.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		44.458.736.992	52.762.773.046
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	11.428.091.068	20.105.932.821
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	260.190.000	513.344.102
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.14	9.691.015.076	3.042.304.622
4. Lợi thế thương mại	269	V.15	23.079.440.848	29.101.191.501
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.456.616.874.702	2.849.301.611.683

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		999.186.288.649	1.273.144.184.565
I. Nợ ngắn hạn	310		400.342.714.990	381.114.156.692
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	37.005.496.244	40.602.287.380
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		178.969.304	81.242.618.200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17.b	1.870.820.322	1.606.538.448
4. Phải trả người lao động	314		723.359.659	209.010.010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	11.729.961.391	18.777.290.143
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	915.266.800	2.456.116.429
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.a	346.043.933.995	235.089.934.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.874.907.275	1.130.362.082
II. Nợ dài hạn	330		598.843.573.659	892.030.027.873
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.b	583.169.995.764	882.063.929.759
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	15.673.577.895	9.966.098.114
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.457.430.586.053	1.576.157.427.118
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.457.430.586.053	1.576.157.427.118
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		645.221.040.000	645.160.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		645.221.040.000	645.160.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		161.811.551.600	162.330.434.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.163.049.193	15.361.371.138
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		84.763.248	84.763.248
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		213.630.122.976	323.943.090.122
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		318.225.567.512	272.476.189.029
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(104.595.444.536)	51.466.901.093
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		418.520.059.036	429.277.768.610
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.456.616.874.702	2.849.301.611.683



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Phùng Thị Thắm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	197.293.217.337	180.729.423.499
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		197.293.217.337	180.729.423.499
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	216.050.430.132	215.149.750.162
5. Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(18.757.212.795)	(34.420.326.663)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	77.031.794.156	33.619.636.226
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	96.504.157.155	111.128.015.182
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		95.610.776.740	110.342.811.135
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12.b	3.643.916.334	31.581.068.682
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	14.324.070.966	12.741.157.532
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	64.607.420.686	62.492.412.091
11. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		(113.517.151.112)	(155.581.206.560)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	10.537.168.124	203.166.581.441
13. Chi phí khác	32	VI.8	141.680.536	1.792.990.405
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		10.395.487.588	201.373.591.036
15. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(103.121.663.524)	45.792.384.476
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	1.934.714.343	4.028.311.539
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	5.960.633.883	9.171.776.909
18. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(111.017.011.750)	32.592.296.028
19. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		(104.595.444.536)	51.466.901.093
20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(6.421.567.214)	(18.874.605.065)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(1.621)	758



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Phùng Thị Thắm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(103.121.663.524)	45.792.384.476
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	100.457.430.352	104.714.721.899
Các khoản dự phòng	03	29.283.908.816	11.464.678.718
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(89.295.807.135)	(64.648.366.259)
Chi phí lãi vay	06	96.370.076.740	111.102.111.135
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	33.693.945.249	208.425.529.969
Giảm các khoản phải thu	09	3.910.288.897	48.099.862.656
Giảm hàng tồn kho	10	2.508.192.632	7.973.030.964
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(124.008.429)	(197.547.791.726)
Giảm chi phí trả trước	12	5.804.303.519	5.792.925.470
Tiền lãi vay đã trả	14	(94.161.700.942)	(111.379.224.891)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.316.767.657)	(22.712.347.596)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.618.132.862)	(2.470.668.026)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(52.303.879.593)	(63.818.683.180)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(42.904.143.044)	(52.685.257.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	12.812.417.379	500.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(4.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	104.100.000.000	12.404.984.945
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	107.103.825
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.633.007.336	24.562.908.884
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	128.641.281.671	(19.110.259.927)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2020		2019	
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	103.157.600	-		
2. Tiền thu từ đi vay	33	186.300.000.000	121.600.000.000		
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(258.025.234.000)	(176.704.999.253)		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(71.622.076.400)	(55.104.999.253)		
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.715.325.678	-138.033.942.360		
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.304.557.307	147.338.499.667		
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	14.019.882.985	9.304.557.307		



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Phùng Thị Thắm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303476454 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 8 năm 2004 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 645.221.040.000 VND, được chia thành 64.522.104 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII") với tỷ lệ sở hữu là 50,61%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại tầng 5, số 70 Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Sai Gon Water Infrastructure Corporation, tên viết tắt là: SaiGon Water.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là SII.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là khai thác, xử lý và cung cấp nước; sản xuất thiết bị điện khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính); sản xuất sản phẩm từ plastic; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; buôn bán máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác; gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là vận hành hệ thống mạng lưới cung cấp nước sạch, đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan đến ngành nước sinh hoạt, khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 10 tháng 2 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ cổ phiếu đang nắm giữ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ cho Công ty Cổ phần Ngành nước DNP theo hợp đồng đã ký kết trước đó.

Trong năm, Công ty đã thực hiện thoái vốn trong Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê từ 51% xuống 49%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào sáu (6) công ty con và hai (2) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kìa	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Vận hành mạng lưới cung cấp nước sạch
5. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Hoạt động tư vấn quản lý, tư vấn kỹ thuật
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 270.035.182.745 VND, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty bị thâm hụt trong nhiều kỳ kế toán liên tục. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có kế hoạch chuyển nhượng vốn tại các công ty con và các phương án phù hợp để huy động vốn nhằm đáp ứng nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ đến hạn và nghĩa vụ tài chính, đảm bảo hoạt động của Công ty được diễn ra liên tục. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất :

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính .

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là các thiết bị, vật tư, phụ tùng dùng để dự trữ, thay thế, phòng ngừa hư hỏng của tài sản nhưng không đủ tiêu chuẩn để phân loại là tài sản cố định và có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường nên không được phân loại là hàng tồn kho. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị thuần (sau khi đã trừ dự phòng giảm giá, nếu có). Dự phòng giảm giá của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành tương tự như hàng tồn kho của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 40
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8
Vườn cây lâu năm	4

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất vô thời hạn và chương trình phần mềm.

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình của Công ty khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình và khấu hao** (tiếp theo)

Nguyên giá của chương trình phần mềm bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Phần mềm của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa nhà máy và văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Trái phiếu phát hành** (tiếp theo)

- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong năm theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp theo từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh nước sạch, kinh doanh bán vật tư, tư vấn, thi công, lắp đặt thiết bị, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai, tỉnh Lâm Đồng. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	1.787.070.849	2.118.598.503
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.432.812.136	7.185.958.804
Các khoản tương đương tiền (i)	7.800.000.000	-
Cộng	14.019.882.985	9.304.557.307

(i) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng.

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách hàng là bên thứ ba	40.106.165.429	40.782.719.238
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật và Xây dựng Tuấn Lộc	11.420.670.623	11.420.670.623
Công ty Cổ phần LICOGI 16	11.032.053.290	11.032.053.290
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Lâm Đồng	7.661.436.732	9.441.434.310
Khách hàng sử dụng nước sạch ở địa bàn Củ Chi	6.717.444.339	6.388.038.940
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà Đà Nẵng	1.779.711.397	1.779.711.397
Các khách hàng khác	1.494.849.048	720.810.678
Khách hàng là bên liên quan	5.057.200.000	5.991.750.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	57.200.000	991.750.000
Cộng	45.163.365.429	46.774.469.238

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần TRV Technologies	511.361.700	279.334.000
Công ty TNHH TM-SX-DV-XD Hữu Tân	182.215.000	-
Các nhà cung cấp khác	60.877.500	267.479.363
Cộng	754.454.200	546.813.363

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	8.099.119.562	-

Khoản hỗ trợ vốn với lãi suất áp dụng trong năm là 11%/năm và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 6 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu từ chuyển nhượng phần vốn góp hợp tác đầu tư (i)	20.700.373.374	101.300.373.374
Phải thu tiền lãi trả chậm (i)	28.349.495.383	34.012.722.132
Phải thu người lao động	10.480.363.000	10.695.147.526
Ký cược, ký quỹ	5.459.000	652.487.750
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	119.397.256	397.101.365
Các khoản phải thu khác	159.722.191	370.484.691
Cộng	59.814.810.204	147.428.316.838
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	246.400.000	241.400.000
<i>Trong đó, phải thu bên liên quan</i>		
Công ty CII (i)	49.049.868.757	135.313.095.506
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh địa ốc Lữ Gia	-	218.400.000
Cộng	49.049.868.757	135.531.495.506

(i) Đây là số dư phải thu Công ty CII từ việc chuyển nhượng khoản vốn tư vào dự án Diamond Riverside. Công ty CII phải thanh toán lãi trả chậm cho Công ty với lãi suất trong năm là 9,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐỔI**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	32.648.992.220	3.544.643.298	40.414.048.250	25.797.121.514
Phải thu khác	15.308.467.481	461.625.000	50.355.851	-
Cộng	47.957.459.701	4.006.268.298	40.464.404.101	25.797.121.514
				Dự phòng VND
				(14.616.926.736)
				(50.355.851)
				(14.667.282.587)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.439.938.838	-	20.549.549.486	-
Công cụ, dụng cụ	669.956.362	-	807.448.201	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.045.908.854	-	4.984.518.854	-
Cộng	16.155.804.054	-	26.341.516.541	-

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	452.025.781	152.176.970
Chi phí trả trước khác	502.054.762	815.747.731
Cộng	954.080.543	967.924.701
b. Dài hạn		
Chi phí thi công, lắp đặt đường ống, đồng hồ nước	9.081.387.936	14.583.243.385
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	528.038.746	3.879.489.458
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	636.634.560	738.598.715
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.182.029.826	904.601.263
Cộng	11.428.091.068	20.105.932.821

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cây lâu năm VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ							
Tại ngày 01/01/2020	283.023.799.295	228.277.866.741	2.192.382.128.884	2.382.426.606	756.544.000	360.994.253	2.707.183.759.779
Mua trong năm	-	786.376.250	17.450.000	993.951.364	-	-	1.797.777.614
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (i)	279.993.291	316.887.107	39.032.476.477	-	-	-	39.629.356.875
Giảm do thoái vốn trong công ty con (ii)	(18.004.968.072)	(31.287.733.354)	(97.447.928.649)	-	-	(360.994.253)	(147.101.624.328)
Thanh lý, nhượng bán	-	(42.196.364)	(805.409.091)	-	-	-	(847.605.455)
Giảm do tháo dỡ hệ thống cấp thoát nước ở thành phố Pleiku	-	-	(8.897.759.659)	-	-	-	(8.897.759.659)
Tại ngày 31/12/2020	265.298.824.514	198.051.200.380	2.124.280.957.962	3.376.377.970	756.544.000	-	2.591.763.904.826

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Tại ngày 01/01/2020	94.376.709.861	126.578.573.731	338.801.603.482	998.306.655	644.512.741	36.099.430	561.435.805.900
Khấu hao trong năm	11.307.168.961	8.612.469.798	73.145.828.668	256.691.399	73.593.746	6.016.571	93.401.769.143
Giảm do thoái vốn trong công ty con (i)	(1.290.853.011)	(3.831.426.295)	(5.808.408.741)	-	-	(42.116.001)	(10.972.804.048)
Thanh lý, nhượng bán	-	(42.196.364)	(375.394.674)	-	-	-	(417.591.038)
Giảm do tháo dỡ hệ thống cấp thoát nước ở thành phố Pleiku	-	-	(5.187.687.339)	-	-	-	(5.187.687.339)
Tại ngày 31/12/2020	104.393.025.811	131.317.420.870	400.575.941.396	1.254.998.054	718.106.487	-	638.259.492.618

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày 01/01/2020	188.647.089.434	101.699.293.010	1.853.580.525.402	1.384.119.951	112.031.259	324.894.823	2.145.747.953.879
Tại ngày 31/12/2020	160.905.798.703	66.733.779.510	1.723.705.016.566	2.121.379.916	38.437.513	-	1.953.504.412.208

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH** (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình của Công ty chủ yếu hình thành từ các dự án nước, trong đó bao gồm tài sản hình thành từ Dự án xã hội hóa đầu tư phát triển, quản lý hệ thống cấp nước và phân phối nước sạch tại huyện Củ Chi. Tổng mức vốn đầu tư dự kiến là 2.662 tỷ VND, trong đó ngân sách Nhà nước hỗ trợ là 600 tỷ VND, dự án được thực hiện theo hai giai đoạn với tổng giá trị quyết toán là 1.795.975.020.258 VND, trong đó nguyên giá tài sản hình thành trong giai đoạn 1 là 1.342.147.423.599 VND và giai đoạn 2 là 453.827.596.659 VND.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 37.929.010.636 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020: 4.623.971.435 VND).

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.21, Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được sử dụng để thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 2.158.362.114.824 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020: 2.304.482.998.375 VND).

(i) Giá trị đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm bao gồm:

- Dự án đầu tư mở rộng, di dời hệ thống cấp nước cho thành phố Pleiku và các vùng lân cận với nguyên giá tài sản tăng trong năm là 25.721.717.224 VND.
- Hạn mục đầu tư mở rộng dự án Củ Chi là 13.041.051.934 VND.
- Giá trị còn lại liên quan đến các loại tài sản khác phục vụ cho hoạt động bán nước sạch.

(ii) Tài sản cố định hữu hình giảm trong năm do thoái vốn công ty con là Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (xem thêm tại Thuyết minh số V.12).

10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	3.978.051.000	9.025.711.210	13.003.762.210
Giảm do thoái vốn trong công ty con (i)	(1.208.351.000)	(725.364.000)	(1.933.715.000)
Tại ngày 31/12/2020	2.769.700.000	8.300.347.210	11.070.047.210
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	37.760.976	3.163.811.920	3.201.572.896
Khấu hao trong năm	6.293.495	1.027.617.061	1.033.910.556
Giảm do thoái vốn trong công ty con (i)	(44.054.471)	(158.673.375)	(202.727.846)
Tại ngày 31/12/2020	-	4.032.755.606	4.032.755.606
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	3.940.290.024	5.861.899.290	9.802.189.314
Tại ngày 31/12/2020	2.769.700.000	4.267.591.604	7.037.291.604

(i) Tài sản cố định vô hình giảm trong năm do thoái vốn công ty con là Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê (xem thêm tại Thuyết minh số V.12).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH** (tiếp theo)

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 1.867.800.000 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 46.392.120 VND).

Như đã trình bày tại thuyết minh V.21, Công ty đã sử dụng tài sản cố định vô hình để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 9.253.046.819 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020: 11.186.761.819 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Dự án cải tạo Trạm bơm tăng áp Pleiku	1.201.975.909	-
Dự án đầu tư phát triển, cải tạo mạng lưới cấp nước trên địa bàn huyện Củ Chi	238.905.197	2.415.563.635
Dự án đầu tư mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước trên địa bàn thành phố Pleiku	-	1.477.048.353
Chi phí khác	46.335.079	276.304.078
Cộng	1.487.216.185	4.168.916.066

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	5.000.000.000	15.500.000.000
Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	67.480.000.000
Cộng	5.000.000.000	82.980.000.000

(i) Đây là khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ sáu (6) tháng đến một (1) năm và hưởng lãi suất từ 6,4% đến 6,9%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	119.659.788.611	56.762.101.857	119.659.788.611	48.820.098.662
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê (ii)	4.298.086.861	(4.298.086.861)	-	-
Cộng	123.957.875.472	52.464.014.996	119.659.788.611	48.820.098.662
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	176.421.890.468			168.479.887.273

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty liên kết không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

(ii) Ngày 20 tháng 3 năm 2020, Công ty đã thoả vốn một phần khởi Công ty Cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê nhằm mục đích tái cơ cấu danh mục đầu tư, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này giảm từ 51% xuống còn 49%, theo đó Công ty An Khê trở thành công ty liên kết kể từ ngày này.

Trong năm, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết thay đổi như sau:

	2020 VND	2019 VND
Tại thời điểm đầu năm	168.479.887.273	136.898.818.591
Giá trị ghi nhận trong năm	7.942.003.195	31.581.068.682
- Tái cấu trúc từ công ty con thành công ty liên kết	4.298.086.861	-
- Lợi nhuận từ công ty liên kết	50.083.916.334	41.901.068.682
- Cổ tức được chia trong năm	(46.440.000.000)	(10.320.000.000)
Tại thời điểm cuối năm	176.421.890.468	168.479.887.273

Tại thời điểm đầu năm
Giá trị ghi nhận trong năm
- Tái cấu trúc từ công ty con thành công ty liên kết
- Lợi nhuận từ công ty liên kết
- Cổ tức được chia trong năm
Tại thời điểm cuối năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần BOO Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	(i)	143.153.395.000
				(i)

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Các khoản lãi chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất VND	Phân bổ công cụ dụng cụ xuất dùng VND	Dự phòng đầu tư vào công ty con, công ty liên kết VND	Cộng VND
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2019	1.042.911.429	-	-	1.042.911.429
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Điều chỉnh trong năm	74.422.729	-	-	74.422.729
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	455.144.598	-	-	455.144.598
Tại ngày 01/01/2020	513.344.102	-	-	513.344.102
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	253.154.102	-	-	253.154.102
Tại ngày 31/12/2020	260.190.000	-	-	260.190.000
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2019	-	250.470.303	998.995.500	1.249.465.803
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	(250.470.303)	8.967.102.614	8.716.632.311
Tại ngày 01/01/2020	-	-	9.966.098.114	9.966.098.114
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-	-	5.707.479.781	5.707.479.781
Tại ngày 31/12/2020	-	-	15.673.577.895	15.673.577.895
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				5.960.633.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**14. THIẾT BỊ, VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ DÀI HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	9.691.015.076	-	3.042.304.622	-

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
NGUYÊN GIÁ Tại ngày 01/01/2020 và ngày 31/12/2020	60.073.074.001
HAO MÒN LŨY KẾ Tại ngày 01/01/2020	30.971.882.500
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất Tại ngày 31/12/2020	6.021.750.653
	36.993.633.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI Tại ngày 01/01/2020	29.101.191.501
Tại ngày 31/12/2020	23.079.440.848

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông	17.600.875.957	17.600.875.957	17.690.676.615	17.690.676.615
Manila Water South Asia Holdings Pte.Ltd.	7.556.736.891	7.556.736.891	4.886.899.391	4.886.899.391
Trung tâm Quản lý Đầu tư và Khai thác Thủy lợi Lâm Đồng	3.729.706.200	3.729.706.200	1.378.503.900	1.378.503.900
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	3.248.277.836	3.248.277.836	3.248.277.836	3.248.277.836
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Đà Nẵng	-	-	4.391.276.636	4.391.276.636
Các nhà cung cấp khác	4.869.899.360	4.869.899.360	9.006.653.002	9.006.653.002
Cộng	37.005.496.244	37.005.496.244	40.602.287.380	40.602.287.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số thực nộp trong năm VND	31/12/2020 VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	87.027.000	-	218.831.000	305.858.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.837.859.088	-	-	9.837.859.088
Thuế thu nhập cá nhân	4.848.637	-	69.999	4.918.636
Cộng	9.929.734.725	-	218.900.999	10.148.635.724
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	65.021.394	972.502.421	969.203.955	68.319.860
Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.741.426	1.934.714.343	1.316.767.657	721.688.112
Thuế thu nhập cá nhân	162.389.710	903.740.810	880.454.858	185.675.662
Thuế tài nguyên	60.231.579	884.811.978	877.053.519	67.990.038
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	20.356.363	20.356.363	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	272.862.233	219.857.525	219.417.865	273.301.893
Phí bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	775.983.470	8.375.709.817	8.759.191.523	392.501.764
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	166.308.636	1.420.651.000	1.425.616.643	161.342.993
Cộng	1.606.538.448	14.732.344.257	14.468.062.383	1.870.820.322

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	11.029.429.634	14.873.042.568
Trích trước chi phí tư vấn quản lý	-	1.925.000.000
Chi phí dự án	-	150.494.500
Các khoản chi phí phải trả khác	700.531.757	1.828.753.075
Cộng	11.729.961.391	18.777.290.143

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	835.289.000	835.289.000
Phải trả chi phí sử dụng vốn	-	43.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	141.570.160
Cổ tức phải trả	-	700.000.000
Các khoản khác	79.977.800	736.257.269
Cộng	915.266.800	2.456.116.429

Trong đó, phải trả cho bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	-	43.000.000
Cộng	-	43.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Khoản vay bên liên quan						
Công ty CII	160.500.000.000	160.500.000.000	185.300.000.000	80.600.000.000	55.800.000.000	55.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	25.800.000.000	25.800.000.000	25.800.000.000
Ngân hàng Phát triển nhà Việt Nam - Trung tâm Kinh doanh	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-	-
Các khoản vay dài hạn đến hạn trả (<i>xem thuyết minh b</i>)	100.303.234.000	100.303.234.000			69.249.234.000	69.249.234.000
Trái phiếu đến hạn (<i>xem thuyết minh b</i>)	84.240.699.995	85.000.000.000			84.240.700.000	85.000.000.000
Cộng	346.043.933.995	346.803.234.000	186.300.000.000	106.400.000.000	235.089.934.000	235.849.234.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	31/12/2020			01/01/2020		
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay ngân hàng	583.169.995.764	583.169.995.764	-	183.599.234.000	797.823.229.764	797.823.229.764
Ngân hàng Vietinbank - CN 11	619.417.606.012	619.417.606.012	-	32.250.000.000	651.667.606.012	651.667.606.012
Ngân hàng BIDV - CN Nam Gia Lai	-	-	-	117.974.000.000	117.974.000.000	117.974.000.000
Ngân hàng VP Bank - CN TP. HCM	44.684.307.738	44.684.307.738	-	20.000.000.000	64.684.307.738	64.684.307.738
Ngân hàng Vietinbank - CN Lâm Đồng	15.524.000.000	15.524.000.000	-	12.276.000.000	27.800.000.000	27.800.000.000
Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.847.316.014	3.847.316.014	-	1.099.234.000	4.946.550.014	4.946.550.014
Trừ: Các khoản vay dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(100.303.234.000)	(100.303.234.000)	-		(69.249.234.000)	(69.249.234.000)
Trái phiếu phát hành	-	-	-	85.759.300.000	84.240.699.995	85.000.000.000
Ngân hàng VIB - CN Thành phố Hồ Chí Minh	85.000.000.000	85.000.000.000	-	85.000.000.000	170.000.000.000	170.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(759.300.000)		-	759.300.000	(1.518.600.005)	
Trừ: Nợ gốc trái phiếu phải trả trong vòng 12 tháng tới	(84.240.700.000)	(85.000.000.000)	-		(84.240.700.000)	(85.000.000.000)
Cộng	583.169.995.764	583.169.995.764	-	269.358.534.000	882.063.929.759	882.823.229.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)*Thông tin bổ sung cho các khoản vay*

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Vay ngắn hạn						
Công ty CII	160.500.000.000	12 tháng	23/05/2021	Lãi suất trong kỳ cố định 10%/năm	Thanh toán nợ gốc, lãi trái phiếu và bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản đảm bảo.
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp. Hồ Chí Minh	1.000.000.000	6 tháng	30/06/2021	9,2%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Hợp đồng tiền gửi số: 068704060007823 với số tiền 1,1 tỷ đồng thuộc sở hữu của công ty CII.
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 11	454.997.939.474	126 tháng	06/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9,1% và 9,8% theo từng khế ước	Phục vụ cho Dự án Củ Chi	+ Toàn bộ tài sản và quyền tài sản của Dự án Củ Chi. + Quyền tài sản của Công ty phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp đầu tư vào dự án Diamond Riverside ký ngày 26 tháng 8 năm 2013 với Công ty CII.
Ngân hàng VP Bank - CN TP. Hồ Chí Minh	44.684.307.738	96 tháng	30/06/2022	Thả nổi, lãi suất trong năm từ 8,7% đến 9,8%	Phục vụ cho Dự án đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước thành phố Pleiku - công suất 30.000 m ³ /ngày	Quyền sử dụng đất tại thôn 3, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku; toàn bộ tài sản của dự án nhà máy cấp nước công suất 30.000 m ³ /ngày tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; quyền đòi nợ từ việc bán nước sạch cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai.
Ngân hàng Vietinbank CN Lâm Đồng	15.524.000.000	108 tháng	01/12/2021	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10%	Mua lại nhà máy cấp nước Đankia 2	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại xã Lát, huyện Lạc Dương và tại phường 7, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.847.316.014	216 tháng	01/06/2024	0%	Thực hiện Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh các thành phố, thị xã thuộc tỉnh Gia Lai	Được bảo lãnh bởi Bộ tài chính, không có tài sản đảm bảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho trái phiếu phát hành**

Trái phiếu 380 tỷ phát hành cho Ngân hàng VIB - CN Thành phố Hồ Chí Minh:

- Loại trái phiếu: trái phiếu thường không chuyển đổi;
- Mệnh giá: 380.000.000.000 VND;
- Ngày phát hành: 23 tháng 12 năm 2016;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 3 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ liên quan đến trái phiếu;
- Lãi suất: Lãi suất trong 4 kỳ đầu tiên là 9%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của VIB + biên độ 2,8%/năm;
- Mục đích: 160 tỷ đồng trái phiếu được sử dụng để đầu tư giai đoạn 2 dự án Củ Chi và 220 tỷ đồng sẽ được sử dụng để góp vốn thành lập công ty con.

Công ty đã sử dụng cổ phần của một số công ty con, công ty liên kết để cầm cố, thế chấp cho trái phiếu phát hành, cụ thể:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	32.117.400	321.174.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	10.320.000	103.200.000.000
Công ty Cổ phần Cấp Nước Gia Lai	9.180.000	91.800.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Đan Kia	9.000.000	90.000.000.000
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	4.950.000	49.500.000.000
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	25.500	2.550.000.000
Cộng	65.592.900	658.224.000.000

Lịch thanh toán nợ vay ngân hàng:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	100.303.234.000	69.249.234.000
Trong năm thứ hai	81.303.541.738	101.679.234.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	300.998.848.014	294.312.389.752
Sau năm năm	200.867.606.012	401.831.606.012
Cộng	683.473.229.764	867.072.463.764
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(100.303.234.000)	(69.249.234.000)
Số phải trả sau 12 tháng	583.169.995.764	797.823.229.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

Lịch thanh toán trái phiếu:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	85.000.000.000	85.000.000.000
Trong năm thứ hai	-	85.000.000.000
Cộng	85.000.000.000	170.000.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(85.000.000.000)	(85.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (i)	-	(759.300.005)
Số phải trả sau 12 tháng	-	84.240.699.995

(i) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHI TIẾT TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	645.160.000.000	162.330.434.000	13.217.730.054	84.763.248	276.514.438.917	449.080.078.715	1.546.387.444.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	51.466.901.093	(18.874.605.065)	32.592.296.028
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.143.641.084	-	(2.143.641.084)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.143.641.084)	-	(2.143.641.084)
Giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(102.903.675)	(102.903.675)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	249.032.280	(824.801.365)	(575.769.085)
Tại ngày 31/12/2019	645.160.000.000	162.330.434.000	15.361.371.138	84.763.248	323.943.090.122	429.277.768.610	1.576.157.427.118
Tăng vốn trong năm	61.040.000	(518.882.400)	-	-	-	-	(457.842.400)
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(104.595.444.536)	(6.421.567.214)	(111.017.011.750)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.801.678.055	-	(2.801.678.055)	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.778.844.755)	(22.833.300)	(2.801.678.055)
Trích thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(136.999.800)	(15.222.200)	(152.222.000)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	-	-	(4.298.086.860)	(4.298.086.860)
Tại ngày 31/12/2020	645.221.040.000	161.811.551.600	18.163.049.193	84.763.248	213.630.122.976	418.520.059.036	1.457.430.586.053

Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2019 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2020/BB-ĐHĐCĐ-SGW ngày 27 tháng 4 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	64.522.104	64.516.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	64.522.104	64.516.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.516.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	64.522.104	64.516.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	64.522.104	64.516.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 27 tháng 4 năm 2020, Công ty không chia cổ tức năm 2019.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu cung cấp nước sạch	186.639.613.348	166.564.894.036
Doanh thu thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	10.499.862.237	7.610.939.274
Doanh thu bán hàng hóa	153.741.752	6.358.851.552
Doanh thu khác	-	194.738.637
Cộng	<u>197.293.217.337</u>	<u>180.729.423.499</u>

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2020	2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn cung cấp nước sạch	205.963.022.584	198.126.676.891
Giá vốn hoạt động thi công, cung cấp và lắp đặt thiết bị	9.925.086.925	9.053.048.827
Giá vốn bán hàng hóa	84.799.789	7.607.818.915
Giá vốn tư vấn và các dịch vụ liên quan	-	194.507.132
Giá vốn khác	77.520.834	167.698.397
Cộng	<u>216.050.430.132</u>	<u>215.149.750.162</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2020 VND	2019 VND
Cổ tức được chia	54.622.280.000	17.684.052.000
Lãi chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính (i)	14.120.567.883	-
Lãi chậm thanh toán	6.242.334.894	12.858.333.975
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.657.279.773	3.074.629.121
Lãi chiết khấu thanh toán	389.331.606	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	2.621.130
Cộng	77.031.794.156	33.619.636.226

Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	46.440.000.000	10.320.000.000
Công ty CII	6.242.334.894	13.065.457.263
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	377.718.611	-
Cộng	53.060.053.505	23.385.457.263

(i) Lãi từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ và thoái vốn một phần Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê.

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	95.610.776.740	110.342.811.135
Chi phí phát hành trái phiếu	759.300.000	759.300.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	3.190.950
Chi phí tài chính khác	134.080.415	22.713.097
Cộng	96.504.157.155	111.128.015.182

Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Công ty CII	11.905.561.643	3.110.356.164
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	172.000.000	43.000.000
Cộng	12.077.561.643	3.153.356.164

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên	13.084.191.633	11.441.861.054
Chi phí khấu hao tài sản cố định	505.393.092	471.821.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	734.486.241	827.475.453
Cộng	14.324.070.966	12.741.157.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	19.586.805.231	25.143.132.050
Lợi thế thương mại phân bổ trong kỳ	6.021.750.653	6.021.750.653
Chi phí dự phòng nợ khó đòi	29.283.908.816	12.264.678.718
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.863.530	238.652.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.660.568.278	2.010.294.319
Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	52.708.024	171.424.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.063.972.331	6.635.333.900
Các khoản chi phí khác	5.885.843.823	10.007.145.829
Cộng	64.607.420.686	62.492.412.091

7. THU NHẬP KHÁC

	2020	2019
	VND	VND
Các khoản hỗ trợ di dời đường ống cấp nước	9.121.260.850	2.456.116.379
Phân bổ khoản hỗ trợ của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh	-	200.000.000.008
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	153.640.813
Phí bảo vệ môi trường được giữ lại	1.401.975.180	-
Các khoản thu nhập khác	13.932.094	556.824.241
Cộng	10.537.168.124	203.166.581.441

8. CHI PHÍ KHÁC

	2020	2020
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	111.832.599	297.684.294
Chi phí phạt vi phạm hành chính và phạt thuế	21.180.729	245.903.222
Chi phí thực hiện dự án không thể thu hồi	-	988.345.296
Các khoản chi phí khác	8.667.208	261.057.593
Cộng	141.680.536	1.792.990.405



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2020		2019	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(61.991.981.374)	(41.129.682.150)	(75.302.503.562)	121.094.888.038
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	73.762.223.562	52.127.756.976	83.336.350.278	(100.282.144.430)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	<i>(54.622.280.000)</i>	-	<i>(17.684.052.000)</i>
<i>Lỗ/(lợi nhuận) từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	<i>(3.643.916.334)</i>	-	<i>(31.581.068.682)</i>
<i>Loại trừ lãi thoả vốn công ty con trên báo cáo hợp nhất</i>	-	<i>(624.567.883)</i>	-	-
<i>Hoàn nhập lãi thanh lý khoản đầu tư vào đơn vị khác</i>	-	<i>16.195.200.000</i>	-	-
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	<i>6.021.750.653</i>	-	<i>6.021.750.653</i>
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	<i>4.785.849.876</i>	<i>91.029.259.905</i>	<i>35.708.073.367</i>	<i>17.008.924.542</i>
<i>Lỗ/(lãi) chưa thực hiện do điều chỉnh hợp nhất</i>	-	<i>(1.740.138.407)</i>	-	<i>(56.495.632.144)</i>
<i>Bù trừ (thu nhập)/lỗ chịu thuế giữa hoạt động được ưu đãi và không ưu đãi thuế</i>	<i>(14.061.452.917)</i>	-	-	<i>(25.091.275.147)</i>
<i>Hoàn nhập chi phí phát hành trái phiếu</i>	-	<i>(759.300.000)</i>	-	-
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>83.037.826.603</i>	<i>271.749.042</i>	<i>47.628.276.911</i>	<i>7.539.208.348</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	11.770.242.188	10.998.074.826	8.033.846.716	20.812.743.608
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	<i>(2.756.659.597)</i>
Tổng thu nhập tính thuế	11.770.242.188	10.998.074.826	8.033.846.716	18.056.084.011
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20%	-	20%
Thuế suất thuế thông thường	10%	-	10%	-
Thuế suất ưu đãi từ dự án đầu tư (i)	1.177.024.219	2.199.614.964	803.384.672	3.611.216.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(588.512.110)	-	(401.692.336)	-
Thuế TNDN được miễn giảm	(176.553.633)	(659.884.489)	-	-
Thuế được miễn giảm theo NĐ 114/2020 (ii)	(33.235.656)	-	-	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp theo NĐ 132/2020 (iii)	-	16.261.048	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	-	-	15.402.400
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	378.722.820	1.555.991.523	401.692.336	3.626.619.203
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.934.714.343			4.028.311.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH** (tiếp theo)

(i) Hoạt động kinh doanh nước sạch của Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định hiện hành, cụ thể: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm, miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chịu thuế suất 20%.

(ii) Công ty được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ tính thuế năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020 áp dụng đối với các doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

(iii) Ngày 5 tháng 11 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 132/2020/NĐ-CP ("NĐ 132") thay thế Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. NĐ 132 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2020, trong đó cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017 và 2018. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 132 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020. Việc áp dụng Nghị định 132 đã làm cho số thuế phải nộp trong năm 2018 của Công ty giảm đi số tiền là 33.235.656 đồng và đã được ghi nhận giảm trừ vào số thuế năm nay.

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	(104.595.444.536)	51.466.901.093
Trừ: Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(2.573.345.055)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	(104.595.444.536)	48.893.556.038
Cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	64.520.153	64.516.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.621)	758

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020.

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ, tuy nhiên không có dòng tiền thu hồi từ đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm nay do Công ty đã nhận trước tiền chuyển nhượng trong các kỳ trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 4 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất và cung cấp nước sạch, hoạt động bán hàng hóa (bán vật tư, thiết bị ngành nước), hoạt động thi công công trình, hoạt động tư vấn liên quan đến ngành nước và các dịch vụ khác. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động xử lý nước và cung cấp nước sạch: sản xuất nước sạch và bán sỉ, lẻ cho các hộ dân, khu công nghiệp;
- Hoạt động bán hàng hóa: thực hiện việc bán vật tư, thiết bị ngành nước kèm theo dịch vụ lắp đặt, sửa chữa và bảo hành;
- Hoạt động thi công, lắp đặt thiết bị: thi công, lắp đặt thiết bị nhà máy nước;
- Hoạt động tư vấn liên quan đến ngành nước và các dịch vụ khác: tư vấn giám sát và quản lý thi công xây dựng và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch; lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng đường ống, đồng hồ nước cho người dân,....

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 4 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ** (tiếp theo)*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Chi tiêu	Kinh doanh	Bán hàng hóa	Thi công, lắp	Tư vấn và	Loại trừ nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	đặt thiết bị	doanh thu khác	VND	VND
Doanh thu						
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	186.639.613.348	153.741.752	10.499.862.237	-	-	197.293.217.337
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	10.890.826.800	2.650.190	-	60.000.000	(10.953.476.990)	-
Tổng doanh thu	197.530.440.148	156.391.942	10.499.862.237	60.000.000	(10.953.476.990)	197.293.217.337
Giá vốn						
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	205.968.276.526	84.799.789	9.919.832.983	77.520.834	-	216.050.430.132
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	12.169.415.994	2.650.190	-	77.520.834	(12.249.587.018)	-
Tổng chi phí	218.137.692.520	87.449.979	9.919.832.983	155.041.668	(12.249.587.018)	216.050.430.132
Kết quả kinh doanh bộ phận	(20.607.252.372)	68.941.963	580.029.254	(95.041.668)	1.296.110.028	(18.757.212.795)
Doanh thu hoạt động tài chính						77.031.794.156
Chi phí tài chính						96.504.157.155
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết						3.643.916.334
Chi phí bán hàng						14.324.070.966
Chi phí quản lý doanh nghiệp						64.607.420.686
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh						(113.517.151.112)
Thu nhập khác						10.537.168.124
Chi phí khác						141.680.536
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						1.934.714.343
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						5.960.633.883
Tổng lỗ sau thuế						(111.017.011.750)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ** (tiếp theo)*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019*

Chi tiêu	Kinh doanh nước sạch VND	Bán hàng hóa VND	Thi công, lắp đặt thiết bị VND	Tư vấn và doanh thu khác VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu						
Doanh thu cung cấp ra bên ngoài	166.564.894.036	6.358.851.552	7.610.939.274	194.738.637	-	180.729.423.499
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	11.147.703.322	3.854.298.118	14.073.600	898.437.992	(15.914.513.032)	-
Tổng doanh thu	177.712.597.358	10.213.149.670	7.625.012.874	1.093.176.629	(15.914.513.032)	180.729.423.499
Giá vốn						
Giá vốn cung cấp ra bên ngoài	198.126.676.891	7.607.818.915	9.053.048.827	362.205.529	-	215.149.750.162
Giá vốn cung cấp giữa các bộ phận	12.578.496.497	7.241.088.505	14.073.600	194.507.132	(20.028.165.734)	-
Tổng chi phí	210.705.173.388	14.848.907.420	9.067.122.427	556.712.661	(20.028.165.734)	215.149.750.162
Kết quả kinh doanh bộ phận	(32.992.576.030)	(4.635.757.750)	(1.442.109.553)	536.463.968	4.113.652.702	(34.420.326.663)
Doanh thu hoạt động tài chính						33.619.636.226
Chi phí tài chính						111.128.015.182
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết						31.581.068.682
Chi phí bán hàng						12.741.157.532
Chi phí quản lý doanh nghiệp						62.492.412.091
Lỗ thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh						(155.581.206.560)
Thu nhập khác						203.166.581.441
Chi phí khác						1.792.990.405
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						4.028.311.539
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						9.171.776.909
Tổng lợi nhuận sau thuế						32.592.296.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ** (tiếp theo)**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Công ty hoạt động chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Gia Lai và tỉnh Lâm Đồng. Bộ phận tư vấn và lắp đặt nhà máy nước sạch, tư vấn công nghệ sản xuất nước sạch và bộ phận thi công, lắp đặt thiết bị được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động khác đều được thực hiện tại ba địa điểm kể trên. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND	Tỉnh Gia Lai VND	Tỉnh Lâm Đồng VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Bảng cân đối kế toán					
<i>Tại ngày 31/12/2020</i>					
Tài sản ngắn hạn	154.291.734.596	28.386.485.032	17.653.336.191	(70.024.023.574)	130.307.532.245
Tài sản dài hạn	1.818.327.912.586	442.381.863.002	105.708.476.412	(40.108.909.543)	2.326.309.342.457
Nợ phải trả	939.999.887.255	262.168.228.601	20.274.594.358	(223.256.421.565)	999.186.288.649
<i>Tại ngày 01/01/2020</i>					
Tài sản ngắn hạn	321.734.409.411	33.384.533.063	24.156.933.802	(54.330.779.171)	324.945.097.105
Tài sản dài hạn	1.870.520.383.202	444.140.782.959	113.098.135.594	96.597.212.823	2.524.356.514.578
Nợ phải trả	1.038.678.672.674	257.858.063.249	36.957.322.199	(60.349.873.557)	1.273.144.184.565
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>					
Doanh thu thuần	83.940.933.999	67.823.654.298	56.482.106.030	(10.953.476.990)	197.293.217.337
Giá vốn	130.249.577.585	59.466.424.262	38.493.675.786	(12.159.247.501)	216.050.430.132
Lợi nhuận gộp	(46.308.643.586)	8.357.230.036	17.988.430.244	1.205.770.511	(18.757.212.795)
<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019</i>					
Doanh thu thuần	81.508.442.576	72.934.028.931	54.167.442.296	(27.880.490.304)	180.729.423.499
Giá vốn	134.896.530.877	68.388.824.032	38.559.749.065	(26.695.353.812)	215.149.750.162
Lợi nhuận gộp	(53.388.088.301)	4.545.204.899	15.607.693.231	(1.185.136.492)	(34.420.326.663)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Giao dịch với công ty mẹ		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	185.300.000.000	95.800.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	30.000.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	30.000.000.000
Cần trừ công nợ	-	43.110.356.164
Giao dịch với Công ty Cổ phần Đầu tư nước Tân Hiệp		
Trả tiền hỗ trợ vốn	25.800.000.000	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	25.800.000.000
Nhận tiền cổ tức	46.440.000.000	10.320.000.000
Giao dịch với Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	4.178.000.000
Lãi hỗ trợ vốn nhập gốc	1.121.119.562	-

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2020 VND	2019 VND
Lương	4.300.700.000	4.036.600.000
Thưởng và các khoản thu nhập khác	903.576.500	917.938.300
Cộng	5.204.276.500	4.954.538.300

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**4. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác.



Phùng Thị Thắm
Người lập biểu



Phùng Thị Thắm
KT. Kế toán trưởng
Phụ trách kế toán



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021

